



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-----***-----

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số: 640.../CV-TCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**
 - Mã chứng khoán: CC1
 - Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.
 - Điện thoại: 028.38.222.059 Fax: 028.38.290.500
 - Email: info@cc1.vn
2. Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin nội dung cập nhật, chỉnh sửa tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.
3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/05/2023 tại đường dẫn: <https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. *lu*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Hùng



Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Trụ sở chính: Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3822 2059 - Fax: (028) 3829 0500 - Website: www.cc1.vn

Mã số Doanh nghiệp: 0301429113

THÔNG BÁO MỜI HỌP TRỰC TUYẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý cổ đông.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2023 Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP như sau:

- **Thời gian:** Vào lúc 09:00, ngày 12/5/2023
- **Địa điểm:** Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Lưu ý: Nhằm thực hiện chủ trương phòng dịch COVID - 19 của Chính phủ, căn cứ theo quy định pháp luật, Công ty **không tổ chức đón tiếp cổ đông tại địa điểm họp** nêu trên. Quý cổ đông vui lòng đăng ký tham dự và thực hiện biểu quyết các nội dung bằng hình thức trực tuyến. Chi tiết việc đăng ký tham dự và biểu quyết các nội dung bằng hình thức họp trực tuyến, Quý cổ đông tham khảo trong **Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.**
- **Nội dung Đại hội:** Các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, chi tiết tại Website www.cc1.vn và xem tại Website: ezgsm.fpts.com.vn.
- **Đăng ký dự họp:** Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký dự Đại hội tại website: ezgsm.fpts.com.vn trước ngày 5/5/2023.
- **Ủy quyền tham dự Đại hội:** Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký Ủy quyền dự Đại hội tại website: ezgsm.fpts.com.vn và gửi Giấy ủy quyền (theo mẫu từ hệ thống hoặc theo quy định của luật dân sự) đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 5/5/2023.
- **Biểu quyết, bầu cử:** Quý cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử tại website: ezgsm.fpts.com.vn (Thời gian bỏ phiếu điện tử quy định cụ thể tại quy chế làm việc).
- **Địa chỉ liên hệ hỗ trợ:**

Người liên hệ:	Địa chỉ:	Email/Điện thoại:
Nguyễn Thị Trung Hoa	Tầng 9 Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Email: hoa.ntt@cc1.vn Điện thoại: (028) 3822 0985. Ext: 180

- Thông tin đăng nhập hệ thống Đại hội cổ đông trực tuyến tại website: ezgsm.fpts.com.vn/Login

Tên đăng nhập : (được ghi trong thư mời họp của từng cổ đông)

Mật khẩu : (được ghi trong thư mời họp của từng cổ đông)

Quý cổ đông biểu quyết từ 17h00 ngày 10/05/2023.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Huân



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

-----❁-----

* **Thời gian:** 8h30 ngày 12 tháng 5 năm 2023.

* **Địa điểm:** Trụ sở Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

* **Hình thức:** Hội nghị trực tuyến (online)

* **Chương trình:**

08h30 – 9h00:

- Cổ đông đăng nhập đường link làm thủ tục đăng ký tham dự.

09h00 – 9h20:

- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
- Giới thiệu thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu

09h20 – 10h00: Thông qua chương trình chính của đại hội.

1. Tờ trình thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP và Quy chế đính kèm;
2. Tờ trình thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP nhiệm kỳ 2021-2026 và Quy chế đính kèm;
3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và định hướng năm 2023;
4. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập năm 2022;
5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 9 tháng đầu năm 2022;
6. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022;
7. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán;
8. Báo cáo Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2022;
9. Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2022;
10. Tờ trình về Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2023;
11. Tờ trình về Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023;
12. Tờ trình về Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
13. Tờ trình về Phương án tăng vốn điều lệ năm 2023;
14. Tờ trình về thay đổi chi tiết và đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của CC1;
15. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1;
16. Tờ trình sửa đổi quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế đính kèm;
17. Tờ trình về Phương án bán cổ phiếu quỹ;
18. Tờ trình về niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE);
19. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT;
20. Tờ trình thông qua danh sách đề cử ứng cử thành viên HĐQT thay thế cho các thành viên HĐQT được miễn nhiệm trong nhiệm kỳ 2021-2026.

10h00 – 10h55: Thảo luận, giải đáp các ý kiến của cổ đông, bầu thay thế TV HĐQT.

10h55 – 11h15: Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

11h15 – 11h30: Bế mạc Đại hội.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP

-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên
của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CC1) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12/05/2023 của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên; *Kuhl*
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân



Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;
- Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Tổng Công ty/CC1 : Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP
- HĐQT : Hội đồng quản trị CC1
- BTC : Ban tổ chức Đại hội Đại hội đồng cổ đông CC1
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông CC1
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Hệ thống livestream : Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên cuộc họp ĐHĐCĐ website <https://ezgsm.fpts.com.vn> và www.youtube.com

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết¹.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Điều lệ Tổng Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Tổng Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Lưu ý: Tỷ lệ cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến được xác định khi đại biểu đã thực hiện “**Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến**” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Tất cả cổ đông của Tổng Công ty theo danh sách chốt ngày 11/04/2023 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:

¹ Khoản 1 Điều 27 Điều lệ Tổng Công ty

- **Yêu cầu kỹ thuật:** Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
- **Cách thức thực hiện:** Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.
- **Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:** Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp trong thông báo mời họp và đã thực hiện “**xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến**” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội (nếu có)

- Là các chức danh quản lý của Tổng Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông của Tổng Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCĐ hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Chủ tịch Đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Phân công
1	Ông Nguyễn Văn Huân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Chủ tọa
2	Ông Lê Hữu Việt Đức	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên
3	Ông Lê Bảo Anh	Tổng Giám đốc	Thành viên

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ Quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT Tổng Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội.
- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
- Giới thiệu thành phần Ban Chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có).
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Phân công
1	Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên
3	Bà Trịnh Thục Quân	Thành viên

- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.
 - Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
 - Phối hợp với ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Bà Mai Thái Thị Hà Thủy	Trưởng ban
2	Bà Trương Thị Thùy	Thành viên

- Nhiệm vụ của Ban Thư ký Đại hội:
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định.
 - Ghi chép biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 01 Trưởng Ban và các Thành viên.
- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Phân công
1	Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên
3	Bà Trịnh Thục Quân	Thành viên

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.

- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link <https://ezgsm.fpts.com.vn> hoặc gửi email về địa chỉ: thuy.mtth@ccl.vn (trước giờ thảo luận). (Các câu hỏi được xem là hợp lệ khi được gửi từ email đã đăng ký trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký cung cấp hoặc email do Cổ đông đã đăng ký thông tin trong Giấy đăng ký dự họp hoặc ủy quyền đã được gửi bản cứng về Tổng Công ty).
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.
- 2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Tổng Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết, bầu cử công khai. Đại biểu có thể lựa chọn bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn>
2. Bỏ phiếu điện tử:
 - Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
 - Cách thức bỏ phiếu bầu cử (quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử)
 - Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử:
Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:
 - Nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17 giờ 00 ngày 10/05/2023 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 01.
 - Nội dung biểu quyết lần thứ 02 (gồm Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán năm 2022; Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022; Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023 và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17 giờ 00 ngày 10/05/2023 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 02.
 - Nội dung Bầu cử: Đại biểu thực hiện bầu cử từ 17 giờ 00 ngày 10/05/2023 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung bầu cử.
 - Nội dung biểu quyết lần thứ 03 (Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17 giờ 00 ngày 10/05/2023 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 03.
 - Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổng Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 11/04/2023) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 328.596.669 cổ phần tương đương với 328.596.669 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ Tổng Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý: Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tại

sản Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.


Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; 
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: P.PC, P.HC, Thư ký.



Nguyễn Văn Huân



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-----***-----
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12... tháng 05... năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CC1) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP nhiệm kỳ 2021-2026.

Đính kèm toàn văn văn dự thảo Quy chế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; *[Signature]*
- Lưu TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Nguyễn Văn Huân



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP NHIỆM KỲ 2021 – 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;
- Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Tổng Công ty/CC1 : Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.
- HĐQT : Hội đồng quản trị Tổng Công ty.
- BTC : Ban tổ chức Đại hội.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền).

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể như sau:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT bầu thay thế: **02 người**
- Nhiệm kỳ: 2021 – 2026
- Số lượng ứng cử viên thành viên HĐQT tối đa: Không hạn chế, nhưng ứng cử viên phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1.

1. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: (theo Điều 33 Điều lệ CC1)

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

IV. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

V. Phương thức bầu cử

- Thực hiện theo Phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020*).
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
 - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Đại biểu tham dự trực tuyến truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội).
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội).

VI. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là **Phiếu bầu cử trực tuyến**.
- Trong trường hợp cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

VII. Thực hiện bầu cử và xác định kết quả

1. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;

- ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
- ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Tổng Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

2. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong Điều lệ CC1.

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP trước 09 giờ ngày 09 tháng 05 năm 2023 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


Điện thoại: 028.38222059

Fax: 028.38290500

IX. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; 
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: P.PC, P.HC, Thư ký.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Huân



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (“CC1”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Về thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022

Trích xuất từ Báo cáo tài chính hợp nhất đến ngày 31/12/2022 đã kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất của CC1 với các chỉ tiêu cơ bản sau:

DVT: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	KH năm 2022		TH năm 2022		Tỷ lệ KH 2022 so với TH 2022	
		BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
1	Doanh thu thuần	10.089	11.252	5.156	6.436	51%	57%
2	Lợi nhuận trước thuế	409	396	274	286	67%	72%
3	Lợi nhuận sau thuế	327	317	216	223	66%	70%
4	Chia cổ tức	6%		9%			

2. Hoạt động của HĐQT năm 2022

2.1. Các cuộc họp và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động (“Điều lệ”) của CC1, luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của CC1, thực hiện tốt các chủ trương, chiến lược đã đề ra; giải quyết kịp thời những phát sinh

của Ban Tổng giám đốc (“Ban TGD”) trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban TGD thông qua việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ của CC1.

- Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công; tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT.
- Năm 2022, HĐQT đã tổ chức các phiên họp trực tiếp và trực tuyến để quyết định các vấn đề về quản trị, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chủ trương, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của CC1 và tình hình thực tế. HĐQT CC1 đã ban hành 78 Nghị quyết, 30 Quyết định thông qua các chủ trương về đầu tư, hợp tác kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh theo giai đoạn, phê duyệt phương án tài chính các dự án đầu tư; ban hành các quy chế nội bộ; phương án tăng vốn, thoái vốn tại các công ty thành viên; thành lập công ty theo định hướng phát triển ngành nghề kinh doanh, các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền,..Danh mục Nghị quyết và Quyết định của HĐQT ban hành được báo cáo trong Báo cáo quản trị CC1 đã công bố thông tin.

2.2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT: Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đính kèm.

2.3. Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT CC1: Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT đính kèm.

2.4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với người nội bộ và người có liên quan: HĐQT đã phê duyệt và thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Xây dựng số một Việt Quang tại Nghị quyết số 357/NQ-HĐQT ngày 26/12/2022 và Nghị quyết số 367/NQ-HĐQT ngày 28/12/2022 và đã được công bố thông tin về các giao dịch này.

2.5. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện thường xuyên. Trong năm 2022 đã thực hiện như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng nội dung đã đề ra.
- Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của CC1 tuân thủ đúng pháp luật, đúng quy định trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các chính sách, chế độ đối với người lao động,...

- Tham gia và giám sát các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các bộ phận chức năng và người đại diện phần vốn tại các công ty thành viên.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của UBCKNN và theo thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính.

2.6. Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023:

- Tổng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2022 trích là **1.078.000.000** đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu đồng) tương ứng với 21,6% Kế hoạch, sẽ được hạch toán vào chi phí kinh doanh của năm 2023 và thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.
- Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2023 dựa trên cơ sở kết quả thực hiện Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2023 mà Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua, với tổng mức thù lao tối đa là **10.000.000.000** đồng (Mười tỷ đồng).

2.7. Báo cáo các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ2022 ngày 12/05/2022, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2022 số 240/NQ-ĐHĐCĐ-CC1 ngày 13/9/2022, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2022 số 331/NQ-ĐHĐCĐ-CC1 ngày 06/12/2022 nhưng chưa thực hiện được trong năm 2022:

- Phương án mua lại cổ phần của người lao động nghỉ việc đã phát hành theo phương án cổ phần hóa năm 2016 để làm cổ phiếu quỹ theo Tờ trình ngày 21/04/2022:
Ngày 12/05/2022, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 đã thông qua phương án mua lại cổ phiếu của người lao động nghỉ việc theo Tờ trình ngày 21/04/2022. Tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá lại tình hình thị trường và định hướng, kế hoạch cho hoạt động kinh doanh của CC1 trong năm 2023, cụ thể:
 - Tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động. Kinh tế thế giới rơi vào suy thoái, thất nghiệp tăng cao và thu nhập giảm sút. Suy thoái cộng với lạm phát nên có khả năng Chính phủ sẽ sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ để ổn định nền kinh tế, vì vậy rất khó để huy động vốn. Ảnh hưởng nặng nề do suy thoái kinh tế sẽ tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp ngành xây dựng như CC1;
 - CC1 có kế hoạch đầu tư các dự án nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và dài hạn;
 - Tại thời điểm HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua phương án mua lại cổ phiếu, tình hình thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến phức tạp.

Vì vậy, nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của CC1 trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế cũng như đầu tư dài hạn cho các dự án trọng điểm, đảm bảo cho chiến lược phát triển bền vững của CC1, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét thông qua:

- Hủy phương án mua lại cổ phiếu của người lao động đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua tại ngày 12/05/2022;
 - Ủy quyền cho HĐQT CC1 chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục tiếp theo, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- b) Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 theo Tờ trình ngày 21/04/2022.
- CC1 đã hoàn thành việc phát hành 9.260.382 cổ phiếu trả cổ tức. Theo đó, CC1 đã tăng vốn điều lệ thêm 92.603.820.000 đồng, nâng vốn điều lệ từ mức 3.196.740.870.000 đồng lên mức 3.289.344.690.000 đồng.
 - Đối với việc tăng vốn điều lệ từ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong CC1 (ESOP): do xem xét tình hình thực tế, tính toán đến lợi ích lâu dài của cổ đông là ưu tiên hàng đầu nên HĐQT chủ động hoãn phát hành cổ phiếu theo kế hoạch.
 - Phương án tăng vốn điều lệ tiếp tục thực hiện trong năm 2023 theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày/....../2023 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“ĐHĐCĐTN 2023”).
- c) Chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của CC1 trên sàn UpCom thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE :
- Do xem xét tình hình thực tế, HĐQT chủ động hoãn việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của CC1 trên sàn UpCom thuộc HNX sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE.
 - Việc chuyển cổ phiếu của CC1 sang niêm yết tại HOSE vẫn tiếp tục được thực hiện theo Phương án tại Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày .../....../2023 trình ĐHĐCĐTN 2023.
- d) Phương án bán cổ phiếu quỹ theo Tờ trình số 223/TTr-HĐQT ngày 31/08/2022
- Xem xét tình hình thực tế và xét thấy tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2022 diễn biến phức tạp, HĐQT quyết định tạm hoãn thực hiện việc bán cổ phiếu quỹ.
 - Phương án bán cổ phiếu quỹ tiếp tục thực hiện trong năm 2023 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày .../....../2023 trình ĐHĐCĐTN 2023.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Định hướng hoạt động cho năm 2023 của HĐQT CC1, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

DVT: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch kinh doanh và Chi trả cổ tức năm 2023	Thực hiện (TH) năm 2022		Kế hoạch (KH) năm 2023		Tỷ lệ KH 2023 so với TH 2022	
		BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	5.156	6.436	9.479	10.761	184%	167%
2	Lợi nhuận gộp	338	497	477	785	141%	158%
3	Lợi nhuận trước thuế	274	286	250	231	91%	81%
4	Cổ tức	9% (bằng Cổ phiếu)	-	5% (bằng Tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu)	-	-	-

2. Các công việc trọng tâm sẽ thực hiện:


- Tiếp tục thực hiện các việc trọng tâm năm 2022 đã đề ra nhưng chưa thực hiện được.
- Chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại HNX sang niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
- Chủ động hoàn toàn kế hoạch vốn để đáp ứng kịp thời và hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Mở rộng, phát triển đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.
- Tăng vốn điều lệ.

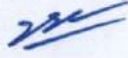
Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 của HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên. 
- Lưu TK.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Nguyễn Văn Huân





BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông - Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- Hội Đồng Quản Trị - Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Nhân sự

Ủy ban Kiểm toán (“UBKT”) được thành lập ngày 16/09/2022 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) số 244/NQ-HĐQT với 2 thành viên như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Thành Vinh | – Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán |
| 2. Ông Phan Văn Chính | – Thành viên Ủy ban Kiểm toán |

Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được HĐQT thông qua ngày 16/09/2022.

2. Tổng kết các cuộc họp

Ủy ban kiểm toán đã tổ chức họp định kỳ để báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 với sự tham gia của các thành viên sau:

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp UBKT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Thành Vinh	01/01	100%	100%
2	Phan Văn Chính	01/01	100%	100%

3. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Trong 4 tháng cuối năm, UBKT đã thực hiện được một số công việc như sau:

- Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua;
- Giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2022 của UBKT đã được báo cáo trong Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.

III. KIẾN NGHỊ

- Kiến nghị của UBKT đã được báo cáo trong Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.



IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT TRONG NĂM 2023

Định hướng hoạt động của UBKT trong năm 2023 như sau:

- Phát huy tinh thần trách nhiệm để tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và hoàn thành mục tiêu của UBKT đúng theo Quy chế hoạt động của UBKT; hoàn thành các nhiệm vụ khác do HĐQT giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của công ty.
- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết ĐHCĐ, nghị quyết HĐQT và quy chế quản trị nội bộ của công ty.
- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện chức năng rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro theo các khuôn khổ thực hành tốt của quốc tế để hỗ trợ và thúc đẩy Công ty hoàn thành mục tiêu.
- Tiếp tục duy trì sự phối hợp giữa UBKT và Ban điều hành nhằm thúc đẩy phát huy tốt vai trò của Kiểm toán nội bộ trong Công ty.
- Tiếp tục duy trì và gia tăng các hoạt động giám sát hoạt động của Kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao nhận thức người lao động trong công tác phòng chống gian lận và thực hiện tuân thủ trong Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán năm 2022.

Trân trọng./.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Vinh



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP NĂM 2022

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông - Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- Hội Đồng Quản Trị - Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) của Công ty đang có tổng cộng 05 thành viên: trong đó có 02 thành viên độc lập và 03 thành viên không điều hành. Toàn bộ thành viên HĐQT tham gia tích cực vào các hoạt động hoạch định chiến lược, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (“TGD”) và đảm bảo các chuẩn mực về quản trị công ty theo quy định pháp luật.

Cùng với các thành viên còn lại, các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia vào phản biện, kiểm soát mục tiêu kế hoạch kinh doanh; tham gia xây dựng các quy chế, chính sách vận hành nhằm đảm bảo lợi ích chung của Công ty.

Đồng thời, cũng trong năm 2022, Công ty đã thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, thay đổi mô hình từ Ban Kiểm soát sang Ủy ban kiểm toán (UBKT), bổ nhiệm một thành viên độc lập giữ chức Chủ tịch UBKT và 01 thành viên không điều hành của HĐQT tham gia UBKT. Thành viên độc lập với vai trò Chủ tịch UBKT cùng với các thành viên của UBKT đã xây dựng nhân lực và mục tiêu hành động rõ ràng, xuyên suốt trong năm qua.

I. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT TRONG NĂM 2022

Ủy ban kiểm toán mới được thành lập vào ngày 16/09/2022 nên thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Do vậy, UBKT không có thù lao và chi phí hoạt động trong năm 2022.

II. VỀ CÁC CUỘC HỌP CỦA UBKT VÀ CÁC KẾT QUẢ, KIẾN NGHỊ CỦA UBKT

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp UBKT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Thành Vinh	01/01	100%	100%
2	Phan Văn Chính	01/01	100%	100%

1. Kết luận của UBKT

UBKT giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ (“KTNB”) theo đúng quy định của pháp luật, quy chế KTNB, quy trình KTNB của Công ty. Kết quả hoạt động của Ban KTNB trong năm 2022 được báo cáo như sau:

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch: 100%.
- Tỷ lệ các khuyến nghị kiểm toán được hoàn thành đúng hạn là 72%, chưa đến hạn 22% và trễ hạn là 6%.

2. Kiến nghị của UBKT

Để tiếp tục phát huy đà tăng trưởng này và thực hiện thành công kế hoạch được đề ra, UBKT kiến nghị tới HĐQT và Ban điều hành một số nội dung như sau:

- Có kế hoạch hoạt động cụ thể để người lao động nắm vững các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của cá nhân và đơn vị; có ý thức tuân thủ và đóng góp ý kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Củng cố, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Tăng cường chất lượng nguồn nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý cấp cao và cấp trung.
- Hoàn thiện và duy trì các quy trình, quy định thích hợp để quản lý hoạt động và các rủi ro được nhận diện trong quá trình vận hành của các phòng/ban chuyên môn.
- Cải tiến và hoàn thiện ứng dụng công nghệ trên phần mềm Công nghệ thông tin để tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, hỗ trợ hoạt động hiệu quả.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

Trong năm 2022, hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đang trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện gồm các cấu phần quan trọng như Sơ đồ tổ chức, Lương 3P, Chính sách thưởng hiệu quả hoạt động xây lắp, KPIs, Khung năng lực, Kế hoạch và lộ trình phát triển nghề nghiệp, Quản trị rủi ro, các Quy trình hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý công việc như Trình ký, Quản lý dự án, Chăm công và Tính lương, Chuỗi cung ứng, Quản lý tòa nhà, Quản lý thông tin khách hàng,...Nên trong quá trình vận hành còn nhiều điểm bất cập, cần thời gian để hoàn thiện hệ thống và nâng cao nhận thức của toàn nhân viên. Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên đã nhận diện các rủi ro và khuyến nghị nhiều hoạt động nhằm nâng cao tính thiết kế kiểm soát của các quy trình hoạt động.

IV. VỀ VIỆC TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP HĐQT

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo và theo đúng các quy định về tổ chức cuộc họp. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều đã được thảo luận/trao đổi thường xuyên giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Các đầu tư cho dự án mới đều được nghiên cứu, và thảo luận, phản biện trong các cuộc họp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

V. VỀ VIỆC GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.
- Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT đã thường xuyên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành. Một số quyết định của TGD đã được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT để đạt được các kết quả tối ưu cho Công ty.
- HĐQT cũng thường xuyên xem xét các báo cáo của TGD và trao đổi với Ban điều hành để nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như được cập nhật nhanh nhất các thông tin kinh doanh.
- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề và giúp Công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Các công việc của HĐQT đã được thực hiện tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các thông lệ chuẩn mực về Quản trị Công ty.
- Tất cả thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm sâu sắc, tính chuyên nghiệp cao thận trọng trong việc thực hiện vai trò bảo vệ lợi ích của Công ty.
- HĐQT đã đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban Tổng Giám đốc vượt qua một số thách thức trong quá trình điều hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- HĐQT đã tham gia cùng Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động nhằm bồi đắp văn hóa của doanh nghiệp. Thông qua các phương pháp sáng tạo, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò đồng hành xây dựng các giá trị bền vững cho doanh nghiệp.
- HĐQT đã có thái độ hành xử rất chuyên nghiệp, vai trò chủ động mang tính cam kết cao, có hoạch định rõ ràng và quản lý rủi ro cao, điều tiết các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn hiệu quả mang lại thành tựu bền vững của Công ty trong năm qua.

VII. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA UBKT VỚI HĐQT, TGD

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBKT luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Lãnh đạo và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác tốt.

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Nguyễn Thành Vinh





Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Hoạt động của Ban Kiểm soát 9 tháng đầu năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH2014 được Quốc hội nước Cộng Hoà Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát đã được quy định trong Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
- Căn cứ Nghị quyết số 240/NQ-ĐHĐCĐ-CC1 ngày 13/09/2022.

Ban Kiểm soát (BKS) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (CC1) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

1. Nhân sự của Ban kiểm soát:

Nhân sự của BKS gồm 3 thành viên như sau:

- | | |
|-----------------------------|--|
| - Ông Phan Văn Vũ | Trưởng ban kiểm soát
Từ nhiệm ngày 01/08/2022 |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Phương | Thành viên
Từ nhiệm ngày 29/08/2022 |
| - Ông Bùi Tấn Thảo | Thành viên
Từ nhiệm ngày 29/08/2022 |

Ban Kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP đã giải thể căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ số 240/NQ-ĐHĐCĐ-CC1 ngày 13/09/2022.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát 9 tháng đầu năm 2022 như sau:

Trong 9 tháng đầu năm 2022, Ban Kiểm soát đã giám sát tính minh bạch và tính tuân thủ trong việc điều hành Tổng Công ty Xây Dựng số 1- CTCP của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc; chúng tôi cũng đã thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng của Ban Kiểm soát của Đại hội đồng cổ đông.

3. Về tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP:

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Tổng Giám đốc; Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 (BCTC riêng, hợp nhất) đã được kiểm toán và công bố thông tin.

Dưới đây là phần trình bày số liệu các chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, và ý kiến phân tích của Ban Kiểm soát về số liệu trên Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng được hình thành từ 04 bộ phận: Trụ sở chính Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP, Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP tại Miền Trung, Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Số 1, Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP tại Campuchia.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	30/06/2022		31/12/2021		Biến động (tỷ lệ tăng/giảm)	
		BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
A	Tài sản						
I	Tài sản ngắn hạn	8.203,80	9.870,88	6.598,96	8.176,07	124,32%	120,73%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	779,20	931,23	922,28	1.323,04	84,49%	70,39%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	151,84	268,63	250,40	364,80	60,64%	73,64%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.139,86	6.875,92	4.496,90	4.927,21	136,54%	139,55%
4	Hàng tồn kho	887,60	1.440,62	715,34	1.256,29	124,08%	114,67%
5	Tài sản ngắn hạn khác	245,30	354,48	214,04	304,73	114,60%	116,33%
II	Tài sản dài hạn	5.474,05	5.366,56	3.660,27	3.491,25	149,55%	153,71%
1	Các khoản phải thu dài hạn	3.009,44	2.309,42	1.263,43	867,26	238,20%	266,29%
2	Tài sản cố định	11,74	379,30	7,96	360,42	147,49%	105,24%
3	Bất động sản đầu tư	526,95	526,95	539,59	539,59	97,66%	97,66%
4	Tài sản dở dang dài hạn	585,06	1.610,44	490,18	1.369,68	119,36%	117,58%
5	Đầu tư tài chính dài hạn	1.277,97	440,28	1.295,42	251,13	98,65%	175,32%
6	Tài sản dài hạn khác	62,89	100,17	63,69	103,17	98,74%	97,09%
	Tổng Tài sản	13.677,85	15.237,44	10.259,23	11.667,32	133,32%	130,60%
B	Nguồn vốn						
I	Nợ phải trả	10.048,87	11.138,85	8.705,48	9.814,93	115,43%	113,49%
1	Nợ ngắn hạn	4.797,96	5.998,91	4.069,14	5.709,90	117,91%	105,06%
2	Nợ dài hạn	5.250,91	5.139,94	4.636,34	4.105,03	113,26%	125,21%
II	Vốn chủ sở hữu	3.628,98	4.098,59	1.553,75	1.852,39	233,56%	221,26%
	Tổng Nguồn vốn	13.677,85	15.237,44	10.259,23	11.667,32	133,32%	130,60%

Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 30/06/2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/06/2022		31/12/2021	
		BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn					
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản					
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	40,02%	35,22%	35,68%	29,92%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	59,98%	64,78%	64,32%	70,08%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn					
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,47%	73,10%	84,86%	84,12%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,53%	26,90%	15,14%	15,88%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/06/2022		31/12/2021	
		BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
Nợ phải trả/Nguồn vốn CSH	Lần	2,77	2,72	5,60	5,30
2. Khả năng thanh toán					
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,71	1,65	1,62	1,43
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,52	1,41	1,45	1,21

Theo báo cáo tài chính riêng tại thời điểm 30/6/2022 thì đa số các chỉ tiêu tài chính đều tăng so với đầu năm 2022, trong đó một số chỉ tiêu tài chính tăng đáng kể như: Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 1.642,96 tỷ đồng tương ứng tăng 36,54% so với đầu năm, các khoản phải thu dài hạn tăng 1.746,01 tỷ đồng tương ứng tăng 138,20% so với đầu năm, nợ phải trả tăng 1.343,39 tỷ đồng tương ứng tăng 15,43 % so với đầu năm, vốn chủ sở hữu tăng 2.075,23 tỷ đồng tương ứng tăng 133,56% so với đầu năm. Vốn chủ sở hữu tăng rất lớn, điều này cho thấy quy mô hoạt động của Tổng công ty đã phát triển và mở rộng thêm. Tuy nhiên sự tăng trưởng đó nó đang báo hiệu cần phải mở ra một thời kỳ đầu tư và kinh doanh mới để phát huy khả năng sinh lợi cho vốn góp của cổ đông. Đây là dấu hiệu đáng mừng và cũng là nhiều thách thức mới cho Ban lãnh đạo - những người có trách nhiệm quản lý và khai thác nguồn lực tài chính của Tổng công ty.

Khả năng thanh toán lớn hơn 1 điều này thể hiện khả năng thanh toán của Tổng Công ty tốt và cao hơn khả năng thanh toán đầu năm 2022 cả trên hai báo cáo.

4. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2022		Cùng kỳ năm 2021		So với cùng kỳ năm 2021	
	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.206,33	2.767,15	1.864,76	2.832,58	118,32%	97,69%
Các khoản giảm trừ	14,87	0,13	6,39	0,14	232,71%	89,29%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.191,46	2.767,03	1.858,37	2.832,44	117,92%	97,69%
Giá vốn hàng bán	2.063,53	2.576,07	1.753,48	2.658,06	117,68%	96,92%
Lợi nhuận gộp	127,93	190,96	104,89	174,38	121,97%	109,51%
Doanh thu hoạt động kinh doanh	206,81	198,04	108,15	111,19	191,23%	178,12%
Chi phí tài chính	194,59	209,43	95,00	111,33	204,83%	188,11%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	165,44	180,22	80,58	111,19	205,31%	162,08%
<i>Lãi (lỗ) trong Công ty liên kết</i>		0,28		(4,84)		-5,79%
Chi phí bán hàng	0,84	14,61	3,19	14,99	26,24%	97,46%
Chi phí quản lý doanh nghiệp					208,19%	168,33%

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2022		Cùng kỳ năm 2021		So với cùng kỳ năm 2021	
	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
	92,04	139,51	44,21	82,88		
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47,27	25,73	70,64	71,53	66,92%	35,97%
Chi phí khác	0,19	21,65	17,11	17,78	1,11%	121,77%
Thu nhập khác	8,51	9,72	5,04	6,38	168,85%	152,35%
Tổng lợi nhuận trước thuế	38,95	37,66	82,71	82,93	47,10%	45,41%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5,33	9,10	8,66	12,59	61,55%	72,28%
Thuế TNDN hoãn lại		1,17				
Lợi nhuận sau thuế TNDN	33,62	29,73	74,05	70,34	45,41%	42,27%

Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần của Tổng Công ty là 2.191,46 tỷ đồng tăng 333,09 tỷ đồng tương ứng tăng 17,92% so với cùng kỳ năm 2021, lãi gộp tăng 23,04 tỷ đồng tương ứng tăng 21,97% so với cùng kỳ năm 2021 sự tăng trưởng này thể hiện hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đã đi vào ổn định và phát triển sau 2 năm dịch bùng phát.

Lợi nhuận trước thuế Tổng Công ty là 38,95 tỷ đồng, giảm 43,76 tỷ đồng tương ứng giảm 52,90% so với cùng kỳ năm 2021, Lợi nhuận sau thuế Tổng Công ty là 33,62 tỷ đồng, giảm 40,43 tỷ đồng tương ứng giảm 54,59% so với cùng kỳ năm 2021.

Tuy lãi gộp 6 tháng đầu năm 2022 cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 nhưng do chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng hơn 100% dẫn tới lợi nhuận trước thuế giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Kết quả kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

5. Về công tác quản trị:

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo hoạt động của HĐQT về công tác quản trị tại Tổng Công ty.

Trong kỳ không phát sinh các vấn đề bất thường hoặc các vấn đề cổ đông yêu cầu Ban kiểm soát xử lý hoặc giải trình.

6. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành công ty của Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các qui định của pháp luật trong quản lý cũng như trong các giao dịch. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

7. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Trong phạm vi công việc của mình Ban kiểm soát đã có sự phối hợp đúng mức và đảm bảo sự khách quan đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với các thông tin, tài liệu cần thiết nhằm phục vụ cho công tác của mình.

➤ Những điểm nổi bật 6 tháng đầu năm 2022: (Báo cáo riêng)

- Giải thể Công ty TNHH XD & KD Bất động sản CC1 Miền Bắc. (Cty con)
- Thoái vốn Công ty CP XD và KD nhà Cừ Long. (Cty liên kết)
- Thoái vốn Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Số 14, theo Nghị quyết số 157/NQ-HĐQT ngày 28/06/22. (đầu tư tài chính)
- Góp vốn vào Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng CC1 Miền Bắc. Giá trị 240 tỷ đồng, theo tỷ lệ 40%.
- Vốn chủ sở hữu tăng 2.075,23 tỷ đồng tỷ đồng tương ứng tăng 133,56% so với đầu năm, nhưng chi phí lãi vay vẫn tăng 84,86 tỷ đồng tương ứng tăng 105,30% so với cùng kỳ năm 2021 điều này cho thấy Tổng công ty đang bị khách hàng chiếm dụng vốn cụ thể là các khoản phải thu.

Kính thưa Đại hội! Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát xin cảm ơn các Quý vị Cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động Tổng công ty trong thời gian vừa qua, và xin cảm ơn Quý Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã hỗ trợ cho Ban Kiểm soát thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS.



Phan Văn Vũ



Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 như sau:

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2022

Sau khi kết thúc năm 2021 với những ảnh hưởng nghiêm trọng từ đại dịch Covid-19, sang năm 2022 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng từ biến động của nền kinh tế thế giới đang đối mặt với nguy cơ suy thoái. Mặc dù Chính Phủ đã có nhiều biện pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô với kết quả đạt được GDP tăng trưởng 8,02% so với năm trước, kiểm soát lạm phát ở mức 3,15%, tuy nhiên lãi suất ngân hàng đã có sự tăng mạnh, đặc biệt giai đoạn từ đầu tháng 09/2022. Lần đầu tiên trong 02 năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) chính thức nâng các mức lãi suất điều hành thêm từ 0,5 - 1 % từ ngày 23/9/2022. Đúng một tháng sau đó, NHNN tiếp tục điều chỉnh tăng các mức lãi suất 0,5 – 1%. Như vậy, trong vòng 01 tháng NHNN đã có 02 lần tăng lãi suất với tổng mức tăng từ 1-2%. Việc NHNN điều chỉnh tăng lãi suất là giải pháp kịp thời, thể hiện sự chủ động và linh hoạt, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tình hình lạm phát cũng như xu hướng nhiều nước đã nâng lãi suất để đối phó với sức ép lạm phát cao, sự mất giá của nhiều đồng tiền so với USD trên thế giới.

Đối với Ngành Xây dựng, năm 2022 là một năm nhiều khó khăn khi doanh thu và lợi nhuận nhiều doanh nghiệp trong ngành sụt giảm đáng kể. Các chủ đầu tư bất động sản bị ảnh hưởng khá nặng từ những biến động thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khiến thanh khoản suy giảm và làm trì trệ quá trình phát triển dự án. Giá nguyên vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng, bê tông, cát, gạch.... tăng mạnh từ thời điểm cuối 2021 đến Quý 3/2022. Ngoài ra, những vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, nguồn cung vật liệu khan hiếm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thấp nhìn chung đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty trong năm 2022.

2. TÀI SẢN - NGUỒN VỐN NĂM 2022

STT	Nội dung	Đvt	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
			31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch
1	Tổng tài sản (TTS)	tỷ đồng	13.289	10.259	3.029	15.583	11.667	3.916
2	Nợ phải trả	tỷ đồng	9.479	8.706	774	11.421	9.815	1.606
3	Nợ vay	tỷ đồng	5.504	5.474	30	6.768	5.944	824
4	Vốn chủ sở hữu (VCSH)	tỷ đồng	3.809	1.554	2.256	4.162	1.852	2.310
5	Vốn điều lệ (VDL)	tỷ đồng	3.289	1.144	2.145	3.289	1.144	2.145
6	Tỷ lệ Nợ phải trả / VCSH	lần	2,49	5,60	(3,11)	2,74	5,30	(2,55)
7	Tỷ lệ Nợ vay / VCSH	lần	1,44	3,52	(2,08)	1,63	3,21	(1,58)

Trong năm 2022, quy mô tài sản nguồn vốn của Công ty có sự tăng trưởng đáng kể, cụ thể:

❖ Đối với Báo cáo riêng:

- Tổng tài sản tăng từ 10.259 tỷ đồng lên 13.289 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 30%.
- Vốn chủ sở hữu tăng từ 1.554 tỷ đồng lên 3.809 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 145%, chủ yếu do Quý 1/2022 đã hoàn tất việc tăng vốn thêm 2.052.876.130.000 đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1,8 với tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 205.287.613 cổ phiếu với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ tăng từ 1.144 tỷ đồng lên 3.289 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 188%, ngoài việc do tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như trên, công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2,9%, tương ứng tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 9.260.382 cổ phiếu.
- Việc tăng vốn ngoài việc giúp giảm tỷ lệ đòn bẩy nợ vay về mức an toàn, từ 3,52 lần xuống còn 1,44 lần, còn giúp Công ty tăng năng lực cạnh tranh để đấu thầu thi công các dự án mới.

❖ Đối với Báo cáo hợp nhất:

- Tổng tài sản hợp nhất tăng từ 11.667 tỷ đồng lên 15.583 tỷ đồng, tương ứng mức tăng gần 34%.
- Vốn chủ sở hữu hợp nhất tăng từ 1.852 tỷ đồng lên 4.162 tỷ đồng, tương ứng mức tăng gần 125%, chủ yếu do Quý 1/2022 đã hoàn tất việc tăng vốn thêm như đã trình bày phần trên.
- Việc tăng vốn ngoài việc giúp giảm tỷ lệ đòn bẩy nợ vay về mức an toàn, từ 3,21 lần xuống còn 1,63 lần, còn giúp Công ty tăng năng lực cạnh tranh để đấu thầu thi công các dự án mới.

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022 – Công ty mẹ

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng bằng sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt và sự đúng đắn trong hoạch định chiến lược của HĐQT, cùng sự nỗ lực quyết tâm, đoàn kết của Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động, Công ty vẫn đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, được phản ánh theo Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2022	So với TH 2021
1	Doanh thu thuần (DTT)	5.156	10.089	4.081	51%	126%
2	Lợi nhuận gộp (LNG)	338	554	167	61%	202%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	274	409	326	67%	84%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	216	327	295	66%	73%
5	Tỷ suất LNG	6,6%	5,5%	4,1%	119%	160%
6	Tỷ suất LNST/DTT	4,2%	3,2%	7,2%	129%	58%

Doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2022 đạt 5.156 tỷ đồng, tuy chỉ hoàn thành 51% kế hoạch năm, nhưng vẫn tăng 26% so với năm 2021. Lợi nhuận gộp đạt 338 tỷ đồng, hoàn thành 61% kế hoạch năm, nhưng vẫn tăng 102% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ năm 2022 đạt 274 tỷ đồng, đạt 67% kế hoạch năm. Mặc dù chưa đạt kết quả doanh thu và lợi nhuận, nhưng điểm tích cực là nhờ vào việc kiểm soát tốt chi phí, nên tỷ suất lợi nhuận đều cao hơn kế hoạch đề ra khoảng 1%.

Doanh thu mảng xây lắp đạt khoảng 3.647 tỷ đồng. Trong mảng Xây lắp, Công ty mẹ trong năm qua đã và đang tham gia thực hiện nhiều dự án trọng điểm có giá trị xây lắp lớn. Cụ thể đối với mảng xây lắp dân dụng, đang xây dựng một số dự án như Bệnh viện Đa khoa 1500 giường tỉnh Bình Dương, Dự án Khu Dân cư Habitat Giai đoạn 3, King Crown Infinity...; đối với mảng xây lắp công nghiệp, đang thi công các dự án trọng điểm Nhiệt điện BOT Vân Phong 1, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, Nhiệt điện Vũng Áng 2 ...; còn đối với xây lắp giao thông, hạ tầng, chủ yếu thi công Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng và các dự án thành phần dự án Cao tốc Bắc Nam ... Tổng giá trị hợp đồng đã ký đang thực hiện đạt gần 20.000 tỷ đồng, trong đó năm 2022 tổng giá trị ký mới đạt hơn 7.000 tỷ đồng, điều này sẽ giúp đảm bảo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cho Công ty trong năm 2023 cũng như nguồn việc cho những năm tiếp theo.

Bên cạnh ngành nghề truyền thống là xây lắp, hoạt động kinh doanh vật tư xây dựng (doanh thu khoảng 1.222 tỷ đồng), dịch vụ cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản (doanh thu 287 tỷ) cũng tạo ra nguồn thu ổn định, phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư của Công ty.

Một số khó khăn, vướng mắc tồn tại chưa thể khắc phục trong thời gian qua cũng tác động lớn đến tiến độ của các dự án, điển hình như các công tác liên quan tới bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Dự án Khu dân cư Hạnh Phúc, hoặc công tác pháp lý để triển khai Dự án Nhà máy điện gió Hàm Kiệm.

3.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 – Hợp nhất


ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2022	So với TH 2021
1	Doanh thu thuần (DTT)	6.436	11.252	5.664	57%	114%
2	Lợi nhuận gộp (LNG)	497	773	236	64%	211%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	286	396	352	72%	81%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	223	317	313	70%	71%
5	Tỷ suất LNG	7,7%	6,9%	4,2%	112%	186%
6	Tỷ suất LNST/DTT	3,5%	2,8%	5,5%	123%	63%

Doanh thu thuần hợp nhất đạt kết quả 6.436 tỷ đồng, tuy chỉ đạt 57% so với Kế hoạch nhưng vẫn tăng 14% so với thực hiện năm 2021. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 286 tỷ đồng, chỉ đạt 72% kế hoạch năm. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch, nhưng nhờ vào việc kiểm soát tốt chi phí, tỷ suất lợi nhuận đều bám sát theo kế hoạch đã đăng ký đầu năm.

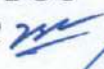

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động SXKD thực hiện năm 2022 của Công ty mẹ và Hợp nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HDQT.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC 

Lê Bảo Anh



Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022
đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

I. Đơn vị thực hiện kiểm toán:

Báo cáo tài chính được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện.

II. Các chỉ tiêu trọng yếu đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đến 31/12/2022	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1	Tổng tài sản	13.288	15.583
2	Tài sản ngắn hạn	8.262	10.489
3	Tài sản dài hạn	5.027	5.094
4	Nợ phải trả	9.479	11.421
5	Vốn chủ sở hữu	3.809	4.162
6	Doanh thu thuần	5.156	6.436
7	Lợi nhuận trước thuế	274	286
8	Lợi nhuận sau thuế	216	223

Chi tiết theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán được đính kèm cùng tờ trình.

III. Ý kiến của kiểm toán:

1. Đối với báo cáo tài chính riêng:

Là ý kiến xác nhận báo cáo tài chính riêng phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Ý kiến của đơn vị kiểm toán không liên quan đến vấn đề này.



2. Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Là ý kiến xác nhận báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Ý kiến của đơn vị kiểm toán không liên quan đến vấn đề này.

Trên đây là báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân





Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS thực hiện năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- Tổng thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (gọi tắt là tổng thù lao) thực hiện năm 2022, sẽ được hạch toán vào chi phí kinh doanh của năm 2023, cụ thể như sau:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
Tổng thù lao năm 2022	Tối đa 5.000.000.000	1.078.000.000

- Tổng thù lao năm 2022 trích là **1.078.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu đồng), tương ứng với 21,6% Kế hoạch, sẽ được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân



Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

STT	Phương án Phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022	Thực hiện năm 2022		
			%	Giá trị	Đơn vị tính
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022			215.514.026.881	đồng
2	Trích Quỹ Đầu tư phát triển			-	đồng
3	Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi			-	đồng
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 còn lại sau khi phân phối các quỹ [(1)-(2)-(3)]			215.514.026.881	đồng
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ lũy kế năm trước chuyển sang			416.620.410.044	đồng
6	Tổng khối lượng cổ phiếu			328.934.469	cổ phiếu
a	Cổ phiếu quỹ			337.800	cổ phiếu
b	Cổ phiếu lưu hành			328.596.669	cổ phiếu
7	Cổ tức	6%	9%	295.737.002.100	đồng
a	Bằng Tiền mặt	Bằng Tiền mặt và/hoặc bằng Cổ phiếu		-	đồng
b	Bằng Cổ phiếu		9%	295.737.002.100	đồng
8	Thù lao HĐQT, BKS năm 2022	Tối đa 5.000.000.000 đồng		1.078.000.000	đồng
9	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ, trả cổ tức & thù lao HĐQT, BKS lũy kế năm trước chuyển sang [(5)-(7)-(8)]			119.805.407.944	đồng



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!



Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu TK.HĐQT.

• **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH 



Nguyễn Văn Huân





TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

Đvt: tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch kinh doanh và Chi trả cổ tức năm 2023	Thực hiện (TH) năm 2022		Kế hoạch (KH) năm 2023		Tỷ lệ KH 2023 so với TH 2022	
		BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	5.156	6.436	9.479	10.761	184%	167%
2	Lợi nhuận gộp	338	497	477	785	141%	158%
3	Lợi nhuận trước thuế	274	286	250	231	91%	81%
4	Cổ tức	9% (bằng Cổ phiếu)	-	5% (bằng Tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu)	-	-	-

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP

-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH


V/v: Thù lao Hội đồng Quản trị năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (CC1) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- 1) Tổng tiền thù lao của HĐQT năm 2023 được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính riêng hằng năm của CC1 – Công ty mẹ. Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2023 dựa trên cơ sở kết quả thực hiện Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, với tổng mức thù lao tối đa là 10.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ đồng*);
- 2) Ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể mức thù lao năm 2023 của từng thành viên HĐQT và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm sau.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Nguyễn Văn Huân



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ vào hồ sơ năng lực kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty niêm yết;
- Căn cứ vào danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước năm 2023.

Để thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”) và đảm bảo tính công khai minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị CC1 kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị CC1 căn cứ vào danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để lựa chọn một (01) tổ chức thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của CC1.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân



Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án tăng vốn điều lệ năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 ngày 21/04/2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua tại Nghị quyết số 120/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 12/05/2022.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 về kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 và Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2023 như sau:

I. TÌNH HÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THEO PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 12/05/2022 đã thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 từ mức 3.196.740.870.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn, một trăm chín mươi sáu tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng) lên mức 3.355.067.790.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn, ba trăm năm mươi lăm tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Theo đó, HĐQT kính báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 theo Tờ trình ngày 21/04/2022 như sau:

- Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”) đã hoàn thành việc phát hành 9.260.382 cổ phiếu trả cổ tức. Theo đó, CC1 đã tăng vốn điều lệ thêm 92.603.820.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai tỷ, sáu trăm lẻ ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng), nâng vốn điều lệ từ mức 3.196.740.870.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn, một trăm chín mươi sáu tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng) lên mức 3.289.344.690.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn, hai trăm tám mươi

chín tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Mức vốn điều lệ mới này đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản: (i) Công văn số 5841/UBCK-QLCB ngày 30/08/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; và (ii) Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 ngày 29/09/2022 được cấp phép bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với việc tăng vốn điều lệ thêm 65.719.400.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, bảy trăm mười chín triệu, bốn trăm nghìn đồng*) từ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong CC1 (ESOP): do xem xét tình hình thực tế, tính toán đến lợi ích lâu dài của cổ đông là ưu tiên hàng đầu nên HĐQT chủ động hoãn phát hành cổ phiếu theo kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2023:

Để thực hiện định hướng chiến lược phát triển của công ty đến năm 2025, tầm nhìn năm 2023; nhằm nâng cao năng lực tài chính đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ năm 2023 với những nội dung sau:

1. Không tiếp tục triển khai: việc tăng vốn điều lệ từ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong CC1 (ESOP) theo Tờ trình ngày 21/04/2022 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 12/05/2022.

2. Phương án phát hành:

- **Tên cổ phần:** Cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Vốn điều lệ trước khi phát hành:** 3.289.344.690.000 đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn, hai trăm tám mươi chín tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*)
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 337.800 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 328.596.669 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm:** 259.591.368 cổ phiếu. Trong đó:
 - o Phát hành trả cổ tức năm 2022: 29.573.700 cổ phiếu tương ứng 9% của số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chốt quyền cổ tức.
 - o Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ: 230.017.668 cổ phiếu tương ứng với 70% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chốt quyền cổ tức.
- **Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:** tối đa 2.595.913.680.000 đồng (*Bằng chữ: Hai nghìn năm trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm mười ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

- **Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2023:** 5.885.258.370.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tám trăm tám mươi lăm tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Chi tiết phương án phát hành:

3.1. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.

- **Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:** 29.573.700 cổ phần.
- **Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá:** 295.737.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu đồng*).
- **Tỷ lệ phân phối cổ phiếu trả cổ tức:** 9%, tương ứng mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 9 cổ phiếu phát hành thêm.
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết HĐQT được Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận.
- **Nguồn thực hiện:** Lấy từ khoản mục lợi nhuận chưa phân phối tích lũy trong Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán sau khi trích lập các quỹ đảm bảo tuân thủ với quy định pháp luật.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh:** Số lượng cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 615 cổ phần. Khi đó, số cổ phần cổ đông A được nhận là 55,35 cổ phần ($= 615 \times 9\%$). Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần cổ đông A thực tế nhận được là 55 cổ phần. Phần lẻ 0,35 cổ phần sẽ bị hủy bỏ.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** trong năm 2023, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát hành thêm:** Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định.

3.2. Phương án phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ.

- **Số lượng cổ phần dự kiến chào bán:** 230.017.668 cổ phần.
- **Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá:** 2.300.176.680.000 đồng (*Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).
- **Mục đích chào bán:** Nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh, qua đó tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

- **Hình thức chào bán:** Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- **Đối tượng phát hành:**
 - + Tiêu chí nhà đầu tư: Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan;
 - + Số lượng nhà đầu tư: Tối đa 10 (mười) nhà đầu tư;
 - + Danh sách nhà đầu tư: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn, quyết định danh sách các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đảm bảo phù hợp các tiêu chí nhà đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.
- **Chào mua công khai:** Trong trường hợp có tỷ lệ của nhà đầu tư được HĐQT lựa chọn tham gia mua cổ phần trong quá trình chào bán đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** Giá chào bán được xác định bằng giá tham chiếu bình quân của 20 phiên liền trước ngày HĐQT ra Nghị quyết về việc phê duyệt giá chào bán.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** dự kiến năm 2023, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm cụ thể chào bán phù hợp với tình hình thực tế của thị trường chứng khoán.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:** Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho các mục đích:
 - + Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - + Đầu tư tài sản, máy móc thiết bị, công cụ xây dựng và nghiên cứu sử dụng các loại vật liệu mới trong đầu tư xây dựng công trình nhằm nâng cao năng lực và chất lượng xây lắp, đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm chi phí giá thành; và
 - + Nâng cao khả năng mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
 ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết. Đồng thời, ĐHĐCĐ cho phép HĐQT có thể linh hoạt phân bổ số tiền thu được cho các mục đích nêu trên và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty và bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty và các cổ đông.

- **Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát hành thêm:** Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định.

III. CÁC VẤN ĐỀ ỦY QUYỀN:

Để thuận tiện trong quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ trên, kính trình ĐHCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện tất cả các vấn đề theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

- Xây dựng và thông qua các nội dung chi tiết của Phương án phát hành tăng vốn, Hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Thời điểm thích hợp để triển khai các phương án tăng vốn, Danh sách Nhà đầu tư tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Giá chào bán cho đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với các Phương án được nêu tại Mục II, bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty và các cổ đông.
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của phương án tăng vốn điều lệ theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết) để đợt chào bán cổ phần của Công ty được thực hiện thành công.
- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm: (i) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (ii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iii) đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết/giao dịch; (iv) thay đổi Vốn điều lệ của Công ty, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới và (v) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành.
- Quyết định tất cả các nội dung khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu phát sinh) để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng! *anh anh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *HH*



Nguyễn Văn Huân





Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v: thay đổi chi tiết và đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh
của Tổng Công ty Xây dựng Số 1- CTCP**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ban hành ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (CC1) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc thay đổi chi tiết và đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh của CC1 như sau:

1. Danh sách ngành, nghề kinh doanh đăng ký bổ sung

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác (Trừ kinh doanh dầu thô và dầu đã qua chế biến, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn).	4661	
2	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, kim loại quý và đá quý)	4662	
3	Bán buôn tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4690	

4	<p>Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu</p> <p>(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</p>	4799	
5	<p>Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet</p> <p>(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</p>	4791	
6	<p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</p>	4719	
7	<p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.</p> <p>(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không</p>	4752	

	được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).		
8	Sản xuất sắt, thép, gang (Không sản xuất tại trụ sở).	2410	
9	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở).	0810	
10	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4649	
11	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641	
12	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa. (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4610	
13	Khai thác và thu gom than cứng	0510	
14	Khai thác và thu gom than non	0520	
15	Khai thác và thu gom than bùn	0892	
16	Sản xuất than cốc	1910	
17	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong	4773	

	các cửa hàng chuyên doanh. (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).		
18	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4721	
19	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4722	
20	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399	
21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.	5022	
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác (trừ cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay).	5210	
23	Bốc xếp hàng hóa	5224	

	Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng sông, bốc xếp hàng hóa cảng biển, bốc xếp hàng hóa ga đường sắt.		
24	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5610	
25	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5629	
26	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630	
27	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không)	5621	
28	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	
29	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4730	
30	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315	
31	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	
32	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530	
33	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542	
34	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543	

2. Danh sách ngành, nghề kinh doanh điều chỉnh chi tiết

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Phá dỡ (Trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng).	4311	
2	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4390	
3	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); quản lý vận hành nhà chung cư.	6820	
4	Xây dựng công trình thủy (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4291	
5	Sản xuất điện Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3511	
6	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến lâm sản Trừ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0231	
7	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ. Trừ khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang	0232	

	đã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).		
--	---	--	--

3. Giao cho Người đại diện theo pháp luật của CC1 triển khai các công việc liên quan tới thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp được Sở kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh đăng ký dựa trên hồ sơ đăng ký đã nộp thì Người đại diện theo pháp luật được chủ động sửa đổi ngành, nghề theo hướng dẫn đó mà không phải xin lại ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; *Kul*
- Lưu TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Huân



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty xây dựng số 1 - CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào thực tế hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty xây dựng số 1 – CTCP;
- Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 16/03/2023 của Hội đồng quản trị CC1 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.


Để đảm bảo cho hoạt động nội bộ của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CC1) được thực hiện đúng quy định của pháp luật, thuận tiện và hiệu quả, Hội đồng quản trị CC1 đã rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1 dựa trên quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết các điều khoản của Điều lệ được trình bày tại **Phụ lục sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP** đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Huân



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày ..12... tháng ..05... năm 2023 của Hội đồng quản trị CC1)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	Điểm a, Khoản 1, Điều 4 – Mục tiêu hoạt động của CC1: Ngành nghề kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung như sau: Theo Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của CC1	Sửa đổi để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động kinh doanh của CC1
2	Khoản 2, 3 Điều 27 – Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Sửa đổi, bổ sung như sau: 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Sửa đổi thời hạn thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần 02 (được gửi trong thời hạn 30 ngày) và lần 03 (được gửi trong thời hạn 20 ngày) kể từ ngày dự định họp lần 01 (do cuộc họp ĐHĐCĐ lần 01 không tổ chức được do không đủ điều kiện tiến hành) thành được gửi trong thời hạn 60 ngày để đảm bảo kéo dài thời gian cho việc gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần 02 và lần 03. Luật doanh nghiệp cho phép doanh nghiệp được quy định một thời hạn gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần 02 và lần 03 khác so với thời hạn được pháp luật quy định.

Handwritten signature

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
	<p>Điểm h, Khoản 2, Điều 35 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 75% (Bảy mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</p>	<p>Điều chỉnh tăng hạn mức thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của CC1 có giá trị từ 75% xuống 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.</p> <p>Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</p>
3	<p>Khoản 2, Điều 35 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung điều khoản như sau:</p> <p>Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của CC1 có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</p>	<p>Luật doanh nghiệp không quy định trường hợp này. Điều lệ bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho phù hợp với định hướng hoạt động của CC1.</p> <p>Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
4	Khoản 2, Điều 35 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p><u>Bổ sung điều khoản như sau:</u></p> <p><i>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</i></p>	<p>Luật doanh nghiệp không quy định trường hợp Công ty đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn giá trị thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thì sẽ thuộc thẩm quyền của ai/cơ quan nào?</p> <p>Điều lệ bổ sung: HĐQT sẽ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</p>
5	Khoản 8, Điều 35 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p><u>Sửa đổi, bổ sung như sau:</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể được CC1 mua bảo hiểm trách nhiệm <i>theo quyết định của Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Sửa đổi để trao quyền quyết định mua Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của thành viên Hội</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
	Thành viên Hội đồng quản trị có thể được CC1 mua bảo hiểm trách nhiệm <i>sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông</i> . Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ CC1.	Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ CC1	đồng quản trị cho Hội đồng quản trị thay vì phải xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 10)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

Chương I	5
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ.....	5
Điều 2. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong CC1	7
Chương II.....	7
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CC1.....	7
Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp.....	7
Chương III	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CC1	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của CC1	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	20
Chương IV	21
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	21
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	21
Điều 7. Cổ phiếu.....	22
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông	22
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	23
Điều 10. Phát hành và chào bán cổ phần	23
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần	24
Điều 12. Thu hồi cổ phần.....	25
Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu	25
Điều 14. Mua cổ phần, trái phiếu.....	26
Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	26
Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của CC1	26
Điều 17. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	27
Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại.....	27
Điều 19. Quyền sử dụng logo, thương hiệu của CC1	28
Chương V	28

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	28
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	28
Chương VI	28
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	28
Điều 21. Quyền của cổ đông.....	28
Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông.....	30
Điều 23. Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	35
Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	37
Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	38
Điều 29. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	41
Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	42
Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	44
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	45
Chương VII.....	45
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	45
Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	46
Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	47
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	51
Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	52
Điều 38. Biên bản họp Hội đồng quản trị	54
Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	55
Điều 40. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	55
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	56
Điều 42. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	56
Chương VIII	57
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CC1 VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	57
Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý.....	57



Điều 44.	Mức lương, tiền thù lao của Người quản lý CC1.....	57
Điều 45.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	57
Điều 46.	Thư ký Công ty	58
Điều 47.	Người phụ trách quản trị công ty	59
Điều 48.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	60
Chương IX	60
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CC1		60
Điều 49.	Trách nhiệm cẩn trọng	60
Điều 50.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	61
Điều 51.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	61
Chương X	62
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY		62
Điều 52.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	62
Chương XI	63
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		63
Điều 53.	Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ	63
Điều 54.	Trả Cổ tức	63
Chương XII	64
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN		64
Điều 55.	Tài khoản ngân hàng	64
Điều 56.	Năm tài chính	65
Điều 57.	Chế độ kế toán.....	65
Chương XIII	65
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG		65
Điều 58.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	65
Điều 59.	Báo cáo thường niên	66
Chương XIV	66
KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY		66
Điều 60.	Kiểm toán	66
Chương XV	66
ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CC1		66

Điều 61. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của CC1	66
Điều 62. Mối quan hệ giữa CC1 với các đơn vị phụ thuộc	67
Điều 63. Mối quan hệ giữa CC1 với các Công ty con, Công ty liên kết của CC1	67
Chương XVI	69
CON DẤU	69
Điều 64. Con dấu	69
Chương XVII	69
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	69
Điều 65. Giải thể Tổng Công ty.....	69
Chương XVIII	70
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	70
Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ	70
Chương XIX	71
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	71
Điều 67. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	71
Chương XX	71
NGÀY HIỆU LỰC	71
Điều 68. Ngày hiệu lực	71

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP được xây dựng, sửa đổi, bổ sung dựa trên các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của CC1. Mọi cá nhân, phòng ban, bộ phận tại CC1 khi thực hiện công việc đều phải tuân theo những quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Bản Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số ngày 12 tháng 05 năm 2023

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **“CC1”** là tên viết tắt của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần.
- b. **“Tổng công ty”** là Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần.
- c. **“Người quản lý CC1”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- d. **“Công ty con”** là bất kỳ công ty nào mà trong đó CC1:
 - Sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó hoặc;
 - Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc;
 - Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.
- e. **“Công ty liên kết”** là bất kỳ công ty nào mà trong đó CC1 sở hữu trực tiếp hay gián tiếp (thông qua các công ty con) từ 20% (Hai mươi phần trăm) đến 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành hoặc có quyền đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của

công ty đó nhưng không kiểm soát các chính sách đó hoặc chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với CC1 theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký với CC1.

- f. **“Cổ phần”** là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
 - g. **“Cổ đông”** là các cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của CC1.
 - h. **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
 - i. **“Đơn vị phụ thuộc”** là đơn vị hạch toán phụ thuộc của CC1.
 - j. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - k. **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - l. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - m. **“Người đại diện phần vốn”** là người được Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của CC1 tại Doanh nghiệp khác, thay mặt CC1 thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tại Doanh nghiệp khác theo quy chế quản lý Người đại diện phần vốn đầu tư của CC1 tại Doanh nghiệp khác.
 - n. **“Ngày thành lập”** là ngày Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - o. **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của CC1 được quy định tại Điều 3 Điều lệ này.
 - p. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - q. **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập CC1 và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
 - r. **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.



3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong CC1

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong CC1 hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong CC1 hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức đó phù hợp với quy định pháp luật.
3. CC1 tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CC1

Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp
 - Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần
 - Tên tiếng Anh: Construction Corporation Number 1 Joint Stock Company
 - Tên giao dịch:
 - Tiếng Việt: Tổng Công ty Xây dựng số 1
 - Tiếng Anh: Construction Corporation No.1
 - Tên viết tắt: CC1
 - Logo của CC1:



Logo của CC1 đã được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

2. CC1 là loại hình công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của CC1 là:
 - Địa chỉ: 111A Pasteur – phường Bến Nghé – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (84.28) 38.222.059
 - Fax: (84.28) 38.290.500
 - E-mail: info@cc1.vn
 - Website: www.cc1.vn
4. CC1 có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Trường hợp CC1 chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của CC1. Trường hợp CC1 có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của CC1. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này; Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
5. CC1 có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của CC1 phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi giải thể theo quy định tại Điều lệ này, thời hạn hoạt động của CC1 bắt đầu từ ngày thành lập và không xác định thời hạn.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CC1

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của CC1

1. Lĩnh vực kinh doanh của CC1:
 - a. Ngành nghề kinh doanh:



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Kinh doanh bất động sản (Trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
4	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2392
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, sừng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP. HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP. HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với	4669

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
8	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo.	7310
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
10	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
11	Phá dỡ (Trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4390
13	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
14	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường sắt	4211



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
15	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
16	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình thủy điện, trạm biến áp, đường dây, mạng lưới truyền tải điện, phân phối điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
17	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây lắp, xây dựng đường ống và hệ thống thủy lợi, hồ chứa; Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải	4222
18	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình	4223
19	Xây dựng công trình công ích khác	4229
20	Xây dựng công trình thủy (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4291
21	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp (loại trừ công trình nhà)	4293
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp	4299 (Chính)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
24	Sản xuất điện Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (Không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3511
25	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395
26	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng các loại nhà không để ở như: buro điện, trường học, bệnh viện, nhà làm việc, Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại, Khu thể thao trong nhà, Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm; Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng	4102
27	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở; Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại	4101
28	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không hoạt động tại trụ sở)	2391
29	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2394
30	Lắp đặt hệ thống điện	4321
31	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga	4322



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	
32	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
33	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
35	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
36	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hỏa long khí để vận chuyển đường)	5225
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dụng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).	7120
38	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
39	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến lâm sản. Trừ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm,)	0231

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	
40	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ. Trừ khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0232
41	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm khác từ gỗ (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải, chế biến gỗ tại trụ sở).	1629
42	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
43	Sản xuất đồ gỗ xây dựng. (Không hoạt động tại trụ sở).	1622
44	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1610
45	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	1079
46	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
47	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản, lâm sản, cây dược liệu (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn	4620



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
48	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy, hải sản các loại; thực phẩm đông lạnh. Bán buôn rau, củ, quả các loại; bán buôn thực phẩm các loại; Bán buôn hàng công nghệ phẩm, chè, cà phê, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4632
49	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Đóng gói bảo quản dược liệu. Đóng gói và bảo quản thủy hải sản. Đóng gói và bảo quản rau, hoa, quả tươi, khô, đóng gói và bảo quản thực phẩm chức năng (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
50	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác. (Trừ kinh doanh dầu thô và dầu đã qua chế biến, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
51	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, kim loại quý và đá quý)	4662
52	Bán buôn tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu,	4690

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
53	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4799
54	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí, đá quý; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).	4791
55	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại)	4719
56	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
57	Sản xuất sắt, thép, gang (Không sản xuất tại trụ sở).	2410
58	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở).	0810
59	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4649
60	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
61	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4610
62	Khai thác và thu gom than cứng	0510
63	Khai thác và thu gom than non	0520

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
64	Khai thác và thu gom than bùn	0892
65	Sản xuất than cốc	1910
66	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4773
67	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4721
68	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4722
69	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
70	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.	
71	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác (trừ cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay).	5210
72	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng sông, bốc xếp hàng hóa cảng biển, bốc xếp hàng hóa ga đường sắt.	5224
73	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5610
74	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5629
75	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630
76	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không)	5621
77	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
78	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
79	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
80	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
81	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
82	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
83	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

b. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm, được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của CC1:

CC1 được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu tối đa lợi nhuận, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, tạo ra việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, cộng đồng và phát triển doanh nghiệp.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

CC1 được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của CC1 là **3.289.344.690.000 đồng** (*Ba nghìn, hai trăm tám mươi chín tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).
Tổng số vốn điều lệ của CC1 được chia thành **328.934.469 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Việc thay đổi vốn điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của CC1 vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 21 và Điều 22 Điều lệ này.
4. CC1 có thể phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền và các loại chứng khoán khác phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Trường hợp CC1 tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ thì cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong CC1, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. CC1 phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp theo quy định của pháp luật để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của CC1 quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
6. CC1 có thể mua cổ phần do chính doanh nghiệp đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do CC1 mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách

thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CC1 là 49% vốn điều lệ. Căn cứ vào thời điểm sở hữu nước ngoài tại CC1, CC1 điều chỉnh ngành nghề phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của CC1 được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do CC1 phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của CC1. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của CC1 hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của CC1, người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho CC1 chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho CC1. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. CC1 lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của CC1.
 - b. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán.
 - c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp.



- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
 - e. Số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1 hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông CC1 trong sổ đăng ký cổ đông.
 4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với CC1 để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. CC1 không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
 5. CC1 phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của CC1 (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của CC1.

Điều 10. Phát hành và chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của CC1 tại thời điểm gần nhất trừ trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở CC1.
 - b. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định tại khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông hoặc phù hợp với các quy định pháp luật về chứng

khoán có liên quan. Kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của CC1.

3. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, CC1 phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. CC1 có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại CC1.
4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (nếu có). Cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, CC1 sẽ công nhận người thuộc trường hợp sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - a. Người có giấy tờ xác nhận quyền thừa kế theo quy định của pháp luật và đang nắm giữ sổ cổ phiếu của người đã mất.
 - b. Người thừa kế hợp pháp phải đăng ký chủ sở hữu đối với cổ phần được thừa kế tại CC1 và trở thành cổ đông mới của CC1, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế, trừ quyền thừa kế làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh do Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
4. CC1 phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ (trong ngày làm việc của CC1) kể từ

khi nhận được yêu cầu và các hồ sơ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán mua cổ phần của cổ đông.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của CC1 phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
2. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của CC1 phát sinh kể từ ngày đăng ký mua cho đến ngày bị thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
4. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại khoản 1 Điều này không được thực hiện.
5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu

1. CC1 có quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục chào bán và chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 14. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của CC1 có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán một lần.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại CC1 hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu CC1 mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu CC1 mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến CC1 trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. CC1 phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. CC1 giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của CC1

CC1 có quyền mua lại không quá 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại tối đa 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần đã được chào bán trong (12) mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.
3. CC1 có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần hiện có của từng cổ đông. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của CC1 phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30)

ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của CC1, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho CC1.

4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được CC1 trong thời hạn được nêu ra trong quyết định mua lại cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. CC1 chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 17. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. CC1 chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, CC1 vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của CC1 giảm hơn 10% (Mười phần trăm) thì CC1 phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông phải hoàn trả cho CC1 số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho CC1 thì cổ đông đó và tất cả thành viên

Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 19. Quyền sử dụng logo, thương hiệu của CC1

1. CC1, các đơn vị thành viên của CC1 sử dụng logo, thương hiệu riêng của mình đã được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ tại cơ quan có thẩm quyền.
2. Thương hiệu của CC1 có thể được định giá bằng tiền để chuyển thành vốn góp vào vốn điều lệ của các đơn vị thành viên, các đơn vị thành lập mới hoặc hình thức liên doanh liên kết khác trên cơ sở thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng sử dụng thương hiệu theo quy định của pháp luật.
3. Việc sử dụng logo, thương hiệu CC1 sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của CC1 bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc.

CC1 đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT tối thiểu đáp ứng quy định của pháp luật.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu CC1, có các quyền tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:



- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Khi CC1 giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại CC1.
 - h. Yêu cầu CC1 mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp CC1 có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do CC1 công bố theo quy định của pháp luật.
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, huỷ bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 115 Luật Doanh nghiệp; đề nghị Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến CC1 chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của CC1 khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của CC1; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra sẽ do Ủy ban kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.
 - d. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của CC1.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi CC1 dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được CC1 hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong CC1 phải cùng liên đới



chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ của CC1.
4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật thay đổi trong quá trình nắm giữ cổ phần. Trường hợp cổ đông cung cấp sai địa chỉ thì sẽ phải chịu mọi thiệt hại có từ hoặc liên quan đến việc cung cấp sai địa chỉ.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh CC1 dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với CC1.
9. Bảo mật các thông tin được CC1 cung cấp theo quy định tại Điều lệ CC1 và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được CC1 cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

11. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông ngoài nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại điều này và theo quy định của pháp luật, còn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
- a. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của CC1 và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b. Có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của CC1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Tùy vào tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức họp hoặc lấy ý kiến để thông qua nghị quyết theo các hình thức: họp trực tiếp, bỏ phiếu trực tiếp; họp trực tuyến, bỏ phiếu trực tuyến; họp bán trực tiếp, bán trực tuyến; lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông họp và bỏ phiếu trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy định của CC1.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của CC1 có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, CC1 phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của CC1 dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của CC1.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của CC1.
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định luật pháp.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông liên quan.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba trăm sáu mươi (360) ngày theo quy định tại điểm b khoản 4, Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CC1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.
- Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được CC1 hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền, nghĩa vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của CC1.
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho CC1 và cổ đông CC1.
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể CC1.
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị.
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của CC1, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - n. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của CC1.
 - o. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - p. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
 - q. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa CC1 với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của CC1 được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự (*tham khảo mẫu giấy ủy quyền của CCI*), phải nêu rõ cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp CC1 nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 23 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội và danh sách được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy

định phù hợp với luật pháp và các quy định của CC1. CC1 phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.
 - e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.
 - f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của CC1, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của CC1 niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của CC1. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho CC1 ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu

tập hợp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này.
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình và nội dung cuộc họp, bao gồm các kiến nghị được nêu tại khoản 4 Điều này; trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại cuộc họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (Năm mươi phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Số cổ đông dự họp được xác định trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu quá 60 (sáu mươi) phút mà không đủ số lượng cổ đông tham dự theo Khoản 1, 2 điều này thì cuộc họp bị hủy. Cuộc họp có thể

bắt đầu ngay khi có đủ số lượng cổ đông tham dự theo quy định tại Khoản 1, 2 điều này mà không phải trì hoãn để đợi thêm các cổ đông khác chưa có mặt.

Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, CC1 phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, CC1 cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác.
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp CC1 áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, CC1 có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định của CC1.
10. Chủ tọa có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền không tuân thủ những quy định nêu trên thì chủ tọa sau khi xem xét cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông, người đại diện nêu trên không được tiếp tục tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
11. Chủ tọa cuộc họp sau khi xem xét cân trọng có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi cho từng người tham dự cuộc họp.
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự cuộc họp.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý CC1.
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.
 - e. Tổ chức lại, giải thể CC1.
 - f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của CC1.
6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục

triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của CC1.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10 ngày) trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về CC1 phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy Ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý CC1. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của CC1 trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.
7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến CC1 bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về CC1 phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về CC1 phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về CC1 sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, CC1 phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Website của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải

có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của CC1 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác).
 - e. Lợi ích có liên quan tới CC1 và các bên có liên quan của CC1.
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ CC1.
 - g. CC1 phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1. Tỷ lệ cụ thể và số lượng thành viên HĐQT được đề cử tương ứng được quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của CC1.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ CC1, Quy chế quản trị nội bộ CC1, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của CC1 không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 4. Hội đồng quản trị của CC1 phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. CC1 hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của CC1 để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của CC1.
 7. Trong trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời phụ trách công việc của thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách trong thời gian đợi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị mới. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị mới phải được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị của CC1 chỉ được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của CC1 phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh CC1 trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ này quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của CC1. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của CC1 trên cơ sở được đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trả lãi trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.
 - i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của CC1 có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp

thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.

- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CC1.
- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể CC1; yêu cầu phá sản CC1.
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- p. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của CC1, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của CC1 tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của CC1.
- q. Quyết định ban hành Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định ban hành

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của CC1.

- r. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
 - t. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào CC1 không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.
 - u. Giải quyết khiếu nại của CC1 đối với những người điều hành của CC1 cũng như quyết định lựa chọn đại diện của CC1 để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.
 - v. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của CC1 phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ CC1.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. CC1 có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1 và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được CC1 mua bảo hiểm trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ CC1.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác của CC1.
 - b. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CC1; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại CC1.

7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 38. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c. Thời gian, địa điểm họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên tham dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h của khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành của CC1.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 40. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của CC1 và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của CC1;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của CC1, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của CC1.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 42. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán

thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CC1 VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

1. CC1 sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý khác của CC1 (không bao gồm Hội đồng quản trị) và người đại diện phần vốn trong CC1 phải được thực hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.
2. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 44. Mức lương, tiền thù lao của Người quản lý CC1

1. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng lao động với những Người quản lý khác của CC1 do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Những người quản lý khác của CC1 do Tổng Giám đốc quyết định.
3. Tiền lương của Người quản lý CC1 được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1 và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của CC1; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của CC1.
- c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của CC1.
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong CC1, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong CC1, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- f. Tuyển dụng lao động.
- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- h. Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của CC1.
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- j. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của CC1 mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của CC1 theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với CC1 và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho CC1 thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho CC1.

5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 46. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:



1. Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Tham dự các cuộc họp.
3. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
4. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.
5. Hỗ trợ CC1 trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 47. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại CC1. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CC1.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa CC1 và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của CC1;

- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ CC1;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% (Một phần trăm) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh CC1 khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho CC1 hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao.
 - c. lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh tài sản khác của CC1 để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh CC1 sẽ tính vào chi phí của CC1, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

Chương IX

**NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA
CC1**

Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của CC1 có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi

ích cao nhất của CC1 và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của CC1.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa CC1, công ty con với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, CC1 phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.
4. Giao dịch giữa CC1 với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này phải tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ CC1 và pháp luật liên quan.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cần trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. CC1 bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do CC1 là người khởi kiện) nếu người đó đã

hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý khác của CC1, nhân viên hoặc đại diện được CC1 ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của CC1, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của CC1 trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Chương X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ CC1, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của CC1.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của CC1 có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của CC1, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của CC1 vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. CC1 phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.



4. Điều lệ CC1 phải được công bố trên Website của CC1.
5. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

Chương XI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ

1. Hết năm tài chính và khi sản xuất kinh doanh có lãi, trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông, CC1 trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ như sau:
 - a. Quỹ đầu tư phát triển.
 - b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.Tỷ lệ phần trăm trích lập các loại quỹ trên theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
2. Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo.
 - b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 54. Trả Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của CC1. CC1 chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. CC1 đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - b. Đã trích lập các quỹ khác và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, CC1 vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của CC1 hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, thanh toán qua tài khoản của cổ đông tại Ngân hàng hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện theo phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông phải chịu các chi phí có nếu có rủi ro phát sinh.
3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Theo chấp thuận của các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.
5. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật

Chương XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. CC1 mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, CC1 có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. CC1 tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà CC1 mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của CC1 bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán CC1 sử dụng là Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. CC1 lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của CC1.
3. CC1 sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. CC1 phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. CC1 công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của CC1.
3. CC1 phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Báo cáo thường niên

CC1 phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XIV**KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY****Điều 60. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của CC1 cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của CC1.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của CC1 được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của CC1.

Chương XV**ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON,
CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CC1****Điều 61. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của CC1**

1. CC1 có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết.
2. CC1 có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của CC1 phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 62. Mọi quan hệ giữa CC1 với các đơn vị phụ thuộc

Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của CC1, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của CC1 và các quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sẽ do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị ban hành. CC1 sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.

Điều 63. Mọi quan hệ giữa CC1 với các Công ty con, Công ty liên kết của CC1**1. Với công ty con do CC1 sở hữu 100% (Một trăm phần trăm) vốn điều lệ:**

CC1 là chủ sở hữu của các công ty con do CC1 sở hữu 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị CC1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con này.

Quyền và nghĩa vụ của CC1 đối với công ty con do CC1 sở hữu 100% vốn điều lệ được quy định tại Điều lệ của công ty con.

Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của CC1 sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với công ty con:

- a. Quyết định ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 05 năm, hàng năm của công ty.
- b. Quyết định nội dung điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.
- c. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và điều lệ công ty con đó.
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của các chức danh quản lý của công ty.
- e. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng theo phân cấp tại Quy chế quản lý tài chính của CC1.

- f. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.
- h. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.
- i. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.
- j. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

2. Với công ty con, công ty liên kết khác:

Công ty con, công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

CC1 là chủ sở hữu phần vốn của CC1 tại các công ty này. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị CC1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo thẩm quyền đối với vốn CC1 đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết này, bao gồm nhưng không giới hạn việc:

- a. Bổ nhiệm, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện sở hữu phần vốn của CC1.
- b. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con, công ty liên kết; yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của CC1.
- c. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con, công ty liên kết; giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con.
- d. Yêu cầu công ty con, công ty liên kết cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của CC1.

3. Mỗi quan hệ giữa CC1 với các công ty con, công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho

thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa CC1 với các công ty con, công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của CC1.

4. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều Người đại diện CC1 để thực hiện các quyền của CC1 với tư cách là chủ sở hữu đối với các công ty con do CC1 sở hữu 100% (Một trăm phần trăm) vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do CC1 đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các công ty con, công ty liên kết, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Việc chỉ định Người đại diện phần vốn góp của CC1 phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những Người đại diện vốn góp của CC1 tại các công ty con, công ty liên kết do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với Điều lệ này, điều lệ các công ty con, công ty liên kết, quy chế hoạt động của Người đại diện của CC1 và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương XVI

CON DẤU

Điều 64. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của CC1, chi nhánh, văn phòng đại diện của CC1.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Chương XVII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 65. Giải thể Tổng Công ty

1. CC1 có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
 - c. CC1 không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể CC1 do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Chương XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của CC1 hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ CC1, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
- a. Cổ đông với CC1.
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác của CC1.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có thẩm quyền.



3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền.

Chương XIX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 67. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của CC1 chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của CC1.

Chương XX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 Chương 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP nhất trí thông qua ngày 12 tháng 05 năm 2023 tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của CC1.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Đại diện theo pháp luật



Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12.. tháng 05.. năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;
- Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;

Để đảm bảo cho việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CC1) được thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1, Hội đồng quản trị đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CC1 dựa trên quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1 và quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết các điều khoản của Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CC1 được trình bày tại **Phụ lục sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CC1** đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để ban hành Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CC1.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên; *Kul*
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Hội đồng quản trị CCI)



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	<p>Điểm b, c Khoản 6 Điều 3 – Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp phải được gửi trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp phải được gửi trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết</p> <p>c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>Sửa đổi thời hạn thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần 02 (được gửi trong thời hạn 30 ngày) và lần 03 (được gửi trong thời hạn 20 ngày) kể từ ngày dự định họp lần 01 (do cuộc họp ĐHĐCĐ lần 01 không tổ chức được do không đủ điều kiện tiến hành) thành được gửi trong thời hạn 60 ngày để đảm bảo kéo dài thời gian cho việc gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần 02 và lần 03.</p> <p>Luật doanh nghiệp cho phép doanh nghiệp được quy định một thời hạn gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần 02 và lần 03 khác so với thời hạn được pháp luật quy định.</p> <p>Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ</p>

Kul

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
	tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.		
2	<p>Điểm h, Khoản 1, Điều 11 – Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 75% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><u>Sửa đổi, bổ sung như sau:</u></p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. <i>Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</i></p>	<p>Điều chỉnh tăng hạn mức thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của CC1 có giá trị từ 75% xuống 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.</p> <p>Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ</p>
3	<p>Khoản 1, Điều 11 – Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p><u>Bổ sung điều khoản như sau:</u></p> <p><i>Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của CC1 có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội</i></p>	<p>Luật doanh nghiệp không quy định trường hợp này. Điều lệ bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho phù hợp với định hướng hoạt động của CC1.</p> <p>Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
		<i>đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</i>	
4	Khoản 1, Điều 11 – Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p><u>Bổ sung điều khoản như sau:</u></p> <p><i>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</i></p>	<p>Luật doanh nghiệp không quy định trường hợp Công ty đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn giá trị thuộc thẩm quyền của ĐHDCĐ thì sẽ thuộc thẩm quyền của ai/cơ quan nào?</p> <p>Điều lệ bổ sung: HĐQT sẽ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Các trường hợp còn lại sẽ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc CC1 quyết định (Không quy định trong Điều lệ CC1 mà sẽ quy định tại Quy chế quản lý tài chính của CC1)</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
			Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ



Handwritten signature

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày ..12.. tháng ..05.. năm 2023 của Hội đồng quản trị CC1)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	<p>Điểm h, Khoản 1, Điều 4 – Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 75% (Bảy mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.</p>	<p>Điều chỉnh tăng hạn mức thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của CC1 có giá trị từ 75% xuống 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1</p> <p>Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ</p>
2	<p>Khoản 1, Điều 4 – Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung điều khoản như sau:</p> <p>Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của CC1 có giá trị từ 35% (Bảy mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc</p>	<p>Luật doanh nghiệp không quy định trường hợp này. Điều lệ bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho phù hợp với định hướng hoạt động của CC1. Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ</p>

kinh

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
		<i>thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CCI.</i>	
3	Khoản 1, Điều 4 – Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p><u>Bổ sung điều khoản như sau:</u></p> <p><i>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CCI trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CCI.</i></p>	<p>Luật doanh nghiệp không quy định trường hợp Công ty đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn giá trị thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD thì sẽ thuộc thẩm quyền của ai/cơ quan nào?</p> <p>Điều lệ bổ sung: HĐQT sẽ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CCI trừ trường hợp thuộc thẩm.</p> <p>Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ</p>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



**QUY CHẾ
QUẢN TRỊ NỘI BỘ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2023

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số

ngày 12 tháng 5 năm 2023

của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

MỤC LỤC

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 3.	Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 4.	Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 5.	Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 6.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 7.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 8.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 9.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 10.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 11.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	16
Điều 12.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 13.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	19
Điều 14.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 15.	Các ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	22
Điều 16.	Người phụ trách quản trị CC1	22
Điều 17.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	23
Điều 18.	Người điều hành doanh nghiệp	24
Điều 19.	Ủy ban Kiểm toán	24
Điều 20.	Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ủy ban Kiểm toán.....	26
Điều 21.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc	26
Điều 22.	Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế.....	27
Điều 23.	Sửa đổi, bổ sung Quy chế	27
Điều 24.	Hiệu lực thi hành Quy chế	27
Phụ lục	29

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (CC1) quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ CC1 và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền, nghĩa vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của CC1.
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho CC1 và cổ đông CC1.
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể CC1.
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị.
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của CC1, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - m. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của CC1.
 - n. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - o. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.
 - p. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
 - q. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa CC1 với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của CC1 được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của CC1 có các khoản ngoại trừ trọng yếu, CC1 có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của CC1.

- b. Khi số lượng thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của CC1 và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của CC1. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
 - c. Phiếu biểu quyết.
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến CC1 ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.
6. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp phải được gửi trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

- c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- d. Số cổ đông dự họp được xác định trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu quá 30 (ba mươi) phút mà không đủ số lượng cổ đông tham dự theo điểm a, b Khoản này thì cuộc họp bị hủy. Cuộc họp có thể bắt đầu ngay khi có đủ số lượng cổ đông tham dự theo quy định tại Điểm a, b Khoản này mà không phải trì hoãn để đợi thêm các cổ đông khác chưa có mặt.

Điều 4. Thê thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, CC1 phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, CC1 cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”).
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Hàng năm, CC1 tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 5. Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Căn cứ vào nội dung, quy mô, thành phần tham dự, điều kiện phương tiện kỹ thuật, công nghệ, người chủ trì cuộc họp quyết định hình thức tổ chức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến nhằm bảo đảm hiệu quả, thuận lợi, tiết kiệm và phù hợp với tình hình thực tế của CC1 cũng như diễn biến ngoài xã hội.
2. Hình thức họp trực tuyến sẽ được triển khai đối với các cuộc họp có nhiều thành phần tham dự khi có các sự cố về thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hay các sự kiện bất khả kháng khác mà không thể tổ chức họp trực tiếp được hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết tổ chức cuộc họp bằng phương thức trực tuyến.

3. Việc họp trực tuyến phải được sắp xếp, tổ chức hiệu quả, đồng bộ giữa các điểm cầu kết nối với nhau nhằm đạt mục đích, yêu cầu của cuộc họp.
4. Phòng họp trực tuyến cần đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của từng cuộc họp cụ thể. Phòng họp tại các điểm cầu tham gia họp trực tuyến phải thống nhất về kích cỡ hình ảnh, màu nền, màu chữ của phong nền.
5. Thiết bị họp trực tuyến gồm các thiết bị giải mã, màn hình hiển thị, camera và micro được tích hợp sẵn để đảm bảo tương thích, ổn định, bảo đảm mọi vị trí trong phòng họp đều có thể phát biểu và nghe rõ âm thanh phát ra từ hệ thống trực tuyến.
6. Các phòng ban, bộ phận được giao trách nhiệm lắp đặt, vận hành và quản lý hệ thống họp trực tuyến phải luôn sẵn sàng tổ chức họp theo yêu cầu của người chủ trì cuộc họp.
7. Trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được quy định tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 6. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của CC1.
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.
 - e. Tổ chức lại, giải thể CC1.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.

Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của CC1.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 26 Điều lệ CC1.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về CC1 phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của CC1.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về CC1 theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về CC1 phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về CC1 qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến CC1 nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của CC1 trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ và tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của CC1 trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.

Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ CC1 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Điều lệ CC1.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ CC1.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp năm và Điều lệ CC1.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của CC1 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 - e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho CC1, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của CC1.
 - f. Các lợi ích có liên quan tới CC1 và các bên có liên quan của CC1 (nếu có).
 - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).
 - h. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của CC1. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của CC1 trên cơ sở được đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật chứng khoán.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.
 - i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động

khác của CC1 có giá trị từ 35% (Bảy mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.

- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác mà CC1 góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CC1.
- m. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của CC1, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Đơn vị kinh doanh hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của CC1 tại Đơn vị kinh doanh trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của CC1.
- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.

- p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể CC1; yêu cầu phá sản CC1.
 - r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ của CC1 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của CC1.
 - s. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ CC1.
2. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Thành phần Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. CC1 hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của CC1 để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - c. Trong Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của CC1 không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của CC1.

Điều 13. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ CC1.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của CC1, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CC1; những người đề nghị tổ chức họp được nêu trên có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của CC1, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình CC1.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của CC1 hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ CC1 quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại CC1.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ CC1.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được

tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Các ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 16. Người phụ trách quản trị CC1

1. Hội đồng quản trị của CC1 phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị CC1 để hỗ trợ công tác quản trị.
2. Người phụ trách quản trị CC1 không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CC1.

3. Người phụ trách quản trị CC1 có quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa CC1 và cổ đông.
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - d. Tham dự các cuộc họp.
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị.
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của CC1.
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CC1; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của CC1 mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của CC1.
 - d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của CC1.

- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong CC1, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong CC1, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
 - g. Tuyển dụng lao động.
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ CC1 và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 18. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành CC1 bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ CC1 (nếu có).
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, CC1 được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của CC1 do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ CC1 đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1 và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 19. Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán:

- a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của CC1 và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của CC1;
- b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của CC1;
- e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp CC1 có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- g. Giám sát nhằm bảo đảm CC1 tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của CC1.
- h. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của CC1, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
- i. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
- j. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- k. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của CC1.
- l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.

m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

3. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.
4. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nội dung báo cáo phải có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành CC1.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của CC1; đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của CC1;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CC1 trong 03 năm liền trước đó.

Điều 21. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị có thể tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng

của Ban điều hành, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, hợp tác, liên danh, liên kết, vv... do Tổng Giám đốc chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc CC1 để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nhằm kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể sử dụng nguồn lực (các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và/hoặc các chuyên viên) của CC1 để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn, tham mưu các vấn đề có liên quan. Việc sử dụng nguồn lực phải thông báo cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ.
3. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 (bốn mươi lăm) ngày.
4. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban điều hành cung cấp các thông tin về hoạt động của CC1 nhưng phải được sự đồng ý trước của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 (hai mươi bốn) giờ.

Điều 22. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ CC1 có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định trong Quy chế này.
2. Đơn vị hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của CC1 hoặc quy định của pháp luật.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung Quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét quyết định trong cuộc họp gần nhất.
2. Khi có những thay đổi của pháp luật và Điều lệ CC1, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc sửa đổi cho phù hợp.

Điều 24. Hiệu lực thi hành Quy chế

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Văn Huân

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ
PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Đính kèm Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Phụ lục này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (sau đây gọi là CC1).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. **“Đại biểu”** là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
2. **“Đại hội đồng cổ đông trực tuyến”** là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia thông qua mạng internet để các Đại biểu thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
3. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc Đại biểu kết nối Internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do CC1 quy định và thông báo.
4. **“Hệ thống bỏ phiếu điện tử”** là hệ thống cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
5. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
6. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập Đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.
7. **“Bầu dồn đều”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.

“**Bầu ghi số**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

CC1 thực hiện các quy định theo Điều 26 Điều lệ CC1.

Điều 4. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của CC1.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối Internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối Internet, ...).

3. Cách thức thực hiện:

Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 5 Phụ lục này để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 5. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp cho Đại biểu trong thông báo mời họp (hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của CC1.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 5 Phụ lục này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến

1. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ CC1.
2. Các cổ đông cần tuân thủ việc cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
3. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - CC1 nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

4. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho CC1 trước lúc Đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian CC1 nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
5. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc tại Đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần, trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của CC1. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu Điều lệ CC1 không có quy định khác thì việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều phiếu hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.
2. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, CC1 phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 10 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ CC1.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

- Việc ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của CC1 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

- Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1 theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
- Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước CC1 về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Đại biểu phải thông báo ngay cho CC1 để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với CC1 để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm CC1 nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

Điều 15. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.
 - Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội.
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được CC1 trả lời sau bằng văn bản.

Điều 16. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của CC1) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số Đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền Internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan chức năng, người có thẩm quyền khác,
2. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

Điều 17. Điều khoản khác

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Phụ lục này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ CC1 và quy định pháp luật có liên quan.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2023

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG.....	3
Điều 1. Những căn cứ pháp lý.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
CHƯƠNG II.....	3
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	7
Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	7
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	8
CHƯƠNG III	9
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị	14
Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	15
Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị	16

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị	18
Điều 13. Trình báo cáo hàng năm	19
Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị	19
Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan	20
CHƯƠNG IV	21
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc	21
Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán	21
CHƯƠNG V	22
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
Điều 19. Hiệu lực thi hành	22
Điều 20. Bổ sung, sửa đổi	22

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (CC1) được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau đây:

1. Các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (*sau đây gọi là “Điều lệ CC1”*).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo Điều lệ CC1 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của CC1.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý CC1, có toàn quyền nhân danh CC1 để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của CC1, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ CC1 và theo quy định của pháp luật.
2. Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ CC1, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành “Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị”.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ CC1 và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của CC1. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của CC1 trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trả trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.

- i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản của CC1 có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.
- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với trường hợp hạn mức không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của CC1.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CC1.
- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể CC1; yêu cầu phá sản CC1.
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- p. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của CC1, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ

cầu và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Đơn vị kinh doanh hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của CC1 tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ của CC1.

- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ của CC1 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của CC1.
 - r. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
 - t. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào CC1 không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.
 - u. Giải quyết khiếu nại của CC1 đối với những người điều hành của CC1 cũng như quyết định lựa chọn đại diện của CC1 để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.
 - v. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của CC1 phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ CC1.
2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ CC1 quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ CC1 gây thiệt hại cho CC1 thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định

đó và phải đền bù thiệt hại cho CC1; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của CC1 có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa CC1 với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của CC1 và những người có liên quan của họ.
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện CC1 ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của CC1.
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ CC1 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị.
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp.
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Quy chế này và Điều lệ CC1, Hội đồng quản trị hoạt động theo những nguyên tắc sau:

- 1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của CC1.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của CC1 bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của CC1 không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị
 - 2.1 Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ CC1.
 - 2.2 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong CC1 cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của CC1 và của đơn vị trong CC1.

- b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ CC1 quy định.

2.3 Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ CC1 và các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của CC1.
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các công ty khác.
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa CC1, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa CC1 với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của CC1 theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của CC1 và không nhất thiết phải là cổ đông của CC1.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị CC1 chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 Công ty khác.

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho CC1 hoặc công ty con của CC1; không phải là người đã từng làm việc cho CC1 hoặc công ty con của CC1 ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ CC1, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của CC1; là người quản lý của CC1 hoặc công ty con của CC1;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CC1;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của CC1 ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- 4.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ CC1.
- 4.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ CC1.
- 4.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.
 - c. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- 5.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định để làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
- 5.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của CC1 và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 5.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng

quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

5.4 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

6.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, CC1 phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của CC1 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác).
- e. Lợi ích có liên quan tới CC1 và các bên có liên quan của CC1.
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ CC1.
- g. CC1 có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị.

6.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch

Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị của CC1.
 - d. Hỗ trợ CC1 trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
 - e. Tham dự các cuộc họp.
 - f. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 - g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên của Hội đồng quản trị.
 - h. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.

Điều 10. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để hỗ trợ cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CC1; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương

trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ CC1 quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại CC1.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư thì phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian, địa điểm họp.
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 13. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của CC1.
 - b. Báo cáo tài chính.
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành CC1.
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1 chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của CC1 liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị

1. CC1 có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1 và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện

những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được CC1 mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ CC1.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của CC1 thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của CC1 phải kê khai cho CC1 về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với CC1 trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của CC1 đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về CC1.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ CC1 và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo

nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của CC1 có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế.
3. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 20. Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Văn Huân



Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 Hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 240/NQ-ĐHĐCD-CC1 ngày 13/09/2022;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2023 về Kết quả thực hiện phương án bán cổ phiếu quỹ năm 2022 và Kế hoạch thực hiện phương án bán cổ phiếu quỹ năm 2023 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BÁN CỔ PHIẾU QUỸ NĂM 2022:

Ngày 13/09/2022, ĐHĐCD bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đã thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ theo Tờ trình số 223/TTr-HĐQT ngày 31/08/2022. Theo đó, HĐQT kính báo cáo ĐHĐCD kết quả thực hiện như sau: do xem xét tình hình thực tế, tình hình thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến phức tạp, nên HĐQT chủ động hoãn phương án bán cổ phiếu quỹ theo kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BÁN CỔ PHIẾU QUỸ NĂM 2023:

HĐQT kính trình ĐHĐCD thường niên năm 2023 xem xét thông qua phương án bán cổ phiếu như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 337.800 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ đăng ký bán: 337.800 cổ phiếu
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời gian dự kiến giao dịch: Trong năm 2023, sau khi được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký bán cổ phiếu quỹ và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định. Thời gian giao dịch không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch.
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận thông qua công ty chứng khoán, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Nguyên tắc xác định giá: Giá bán không thấp hơn 14.200 đồng/cổ phiếu, đồng thời tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Số lượng đặt bán hàng ngày: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Tên công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ: Công ty Cổ phần Chứng Khoán KB Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh).

III. CÁC VẤN ĐỀ ỦY QUYỀN:

Kính trình ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện tất cả các vấn đề theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

- Quyết định thời điểm bán, chỉnh sửa phương án bán (nếu cần) và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất đợt bán cổ phiếu quỹ;
- Quyết định phương án chi tiết sử dụng tiền thu được từ đợt bán cổ phiếu quỹ;
- Quyết định các công việc khác liên quan đến các đợt bán cổ phiếu quỹ.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng! *anh*

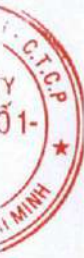
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *anh*



anh
Nguyễn Văn Huân





Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ tình hình thực tế tại Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 về kết quả thực hiện việc niêm yết cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”) như sau:

Trong bối cảnh môi trường vĩ mô không thuận lợi, thị trường chứng khoán diễn biến khó lường, HĐQT chủ động hoãn việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) trong năm 2022 để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cũng như cơ sở để tiếp tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HOSE, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua các nội dung:

1. Tiếp tục thực hiện phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của CC1 trên sàn UpCom thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.
- Mã chứng khoán: CC1
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Vốn điều lệ hiện tại: 3.289.344.690.000 đồng.



- Số cổ phiếu quỹ: 337.800 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 328.596.669 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Hủy giao dịch cổ phiếu của CC1 trên sàn UpCom và đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HOSE;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy giao dịch: Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch trên sàn UpCom thuộc HNX;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết tại HOSE: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành của CC1 tại thời điểm đăng ký niêm yết.
- Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu: trong năm 2023.

2. Các vấn đề ủy quyền:

Để thuận tiện trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của CC1 trên sàn UpCom thuộc HNX sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE, kính trình ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện tất cả các vấn đề theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

- Lựa chọn tổ chức tư vấn phù hợp theo quy định pháp luật để tư vấn niêm yết cổ phiếu (bao gồm việc tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết);
- Quyết định ký kết các văn bản liên quan để thực hiện niêm yết cổ phiếu;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung, giải trình toàn bộ các nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc niêm yết (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong tờ trình này, nếu có);
- Quyết định giá niêm yết dự kiến (giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên) và thời điểm niêm yết cổ phiếu;
- Quyết định thời điểm và thủ tục hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu CC1 trên hệ thống giao dịch UpCom sau khi có quyết định chấp thuận niêm yết tại HOSE;
- Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện niêm yết cổ phiếu CC1 theo quy định pháp luật.

14297

CÔNG
DỤNG S
CTCP

P HỒ CÝ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng! *nhân*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *nh*



Nguyễn Văn Huân





TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP

-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị ngày 27/04/2023 của ông Lê Hữu Việt Đức (đính kèm);
- Đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ngày 27/04/2023 của ông Nguyễn Hữu Nam (đính kèm).

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc:


Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị CC1 theo nguyện vọng cá nhân đối với các thành viên sau đây:

1. Ông Lê Hữu Việt Đức – Phó Chủ tịch.
2. Ông Nguyễn Hữu Nam – Phó Chủ tịch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên, 

- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Nguyễn Văn Huân



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP

-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số:/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách các ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho các Thành viên Hội đồng quản trị được miễn nhiệm trong nhiệm kỳ 2021-2026.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”);
- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua miễn nhiệm 02 Thành viên Hội đồng quản trị CC1;
- Các đơn đề cử, ứng cử ông Lê Bảo Anh và ông Nguyễn Thiện Tâm tham gia Hội đồng quản trị CC1 ngày 28/04/2023 của nhóm cổ đông đề cử;
- Sơ yếu lý lịch thể hiện trình độ, năng lực, quá trình công tác của ông Lê Bảo Anh (đính kèm);
- Sơ yếu lý lịch thể hiện trình độ, năng lực, quá trình công tác của ông Nguyễn Thiện Tâm (đính kèm);

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho các Thành viên Hội đồng quản trị được miễn nhiệm trong nhiệm kỳ 2021-2026, gồm các ứng cử viên dưới đây:

1. Ông Lê Bảo Anh
2. Ông Nguyễn Thiện Tâm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân



Số: /NQ-ĐHĐCĐTN2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các quy định pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“ĐHĐCĐ TN năm 2023”) của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP số /BB-ĐHĐCĐTN2023 ngày 12/05/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”) đã thảo luận, biểu quyết và đi đến quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2022 và định hướng năm 2023 (Báo cáo đính kèm).

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Báo cáo đính kèm).

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) 9 tháng năm 2022 (Báo cáo đính kèm).

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (BTGD) về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (Báo cáo đính kèm).

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của CC1 – Công ty mẹ:

Dvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2022	So với TH 2021
1	Doanh thu thuần (DTT)	5.156	10.089	4.081	51%	126%

STT	Nội dung	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2022	So với TH 2021
2	Lợi nhuận gộp (LNG)	338	554	167	61%	202%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	274	409	326	67%	84%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	216	327	295	66%	73%
5	Tỷ suất LNG	6,6%	5,5%	4,1%	119%	160%
6	Tỷ suất LNST/DTT	4,2%	3,2%	7,2%	129%	58%

2. Kết quả hoạt động SXKD thực hiện năm 2022 của CC1 – Hợp nhất:

Đvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2022	So với TH 2021
1	Doanh thu thuần (DTT)	6.436	11.252	5.664	57%	114%
2	Lợi nhuận gộp (LNG)	497	773	236	64%	211%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	286	396	352	72%	81%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	223	317	313	70%	71%
5	Tỷ suất LNG	7,7%	6,9%	4,2%	112%	186%
6	Tỷ suất LNST/DTT	3,5%	2,8%	5,5%	123%	63%

Điều 5: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán (Báo cáo đính kèm).

Điều 6: Thông qua Báo cáo Thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 12/5/2023 như sau:

- Tổng thù lao của HĐQT, BKS (tổng thù lao) thực hiện năm 2022, sẽ được hạch toán vào chi phí kinh doanh của năm 2022, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
	Giá trị	Giá trị
Tổng thù lao năm 2022	Tổng mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2022 dựa trên kết quả thực hiện Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2022 mà ĐHĐCĐ đã thông	1.078.000.000

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
	Giá trị	Giá trị
	qua, với tổng mức thù lao tối đa là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)	

- Tổng thù lao năm 2022 trích là **1.078.000.000 đồng** (*Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu đồng*), tương ứng với 21,6% Kế hoạch, sẽ được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Điều 7: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 12/5/2023 như sau:

STT	Phương án Phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022	Thực hiện năm 2022		
			%	Giá trị	Đơn vị tính
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022			215.514.026.881	đồng
2	Trích Quỹ Đầu tư phát triển			-	đồng
3	Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi			-	đồng
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 còn lại sau khi phân phối các quỹ [(1)-(2)-(3)]			215.514.026.881	đồng
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ lũy kế năm trước chuyển sang			416.620.410.044	đồng
6	Tổng khối lượng cổ phiếu			328.934.469	cổ phiếu
a	Cổ phiếu quỹ			337.800	cổ phiếu
b	Cổ phiếu lưu hành			328.596.669	cổ phiếu
7	Cổ tức	6%	9%	295.737.002.100	đồng
a	Bằng Tiền mặt	Bằng Tiền mặt và/hoặc bằng Cổ phiếu		-	đồng
b	Bằng Cổ phiếu		9%	295.737.002.100	đồng
8	Thù lao HĐQT, BKS năm 2022	Tối đa 5.000.000.000 đồng		1.078.000.000	đồng
9	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ, trả cổ tức & thù lao HĐQT, BKS lũy kế năm trước chuyển sang [(5)-(7)-(8)]			119.805.407.944	đồng

Điều 8: Thông qua Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2023 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 12/5/2023 như sau:

DVT: tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch kinh doanh và Chi trả cổ tức năm 2023	Thực hiện (TH) năm 2022		Kế hoạch (KH) năm 2023		Tỷ lệ KH 2023 so với TH 2022	
		BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	5.156	6.436	9.479	10.761	184%	167%
2	Lợi nhuận gộp	338	497	477	785	141%	158%
3	Lợi nhuận trước thuế	274	286	250	231	91%	81%
4	Cổ tức	9% bằng Cổ phiếu	-	5% (bằng Tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu)	-	-	-

Điều 9: Thông qua Thù lao HĐQT năm 2023 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 12/5/2023 như sau:

1. Tổng tiền thù lao của HĐQT năm 2023 được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính riêng hằng năm của CC1 – Công ty mẹ. Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2023 dựa trên cơ sở kết quả thực hiện Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, với tổng mức thù lao tối đa là 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng);
2. Ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể mức thù lao năm 2023 của từng thành viên HĐQT và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm sau.

Điều 10: Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 12/5/2023 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị CC1 căn cứ vào danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để lựa chọn một (01) tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của CC1.

Điều 11: Thông qua Phương án tăng vốn Điều lệ năm 2023 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 12/5/2023 cụ thể như sau:

I. Phương án phát hành:

1. Không tiếp tục triển khai: việc tăng vốn điều lệ từ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong CC1 (ESOP) theo Tờ trình ngày 21/04/2022 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 12/05/2022.

2. Phương án phát hành:

- **Tên cổ phần:** Cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông

- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Vốn điều lệ trước khi phát hành:** 3.289.344.690.000 đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn, hai trăm tám mươi chín tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*)
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 337.800 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 328.596.669 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm:** 259.591.368 cổ phiếu. Trong đó:
 - Phát hành trả cổ tức năm 2022: 29.573.700 cổ phiếu tương ứng 9% của số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chốt quyền cổ tức.
 - Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ: 230.017.668 cổ phiếu tương ứng với 70% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chốt quyền cổ tức.
- **Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:** tối đa 2.595.913.680.000 đồng (*Bằng chữ: Hai nghìn năm trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm mười ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).
- **Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2023:** 5.885.258.370.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tám trăm tám mươi lăm tỷ hai trăm năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Chi tiết phương án phát hành:

3.1. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.

- **Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:** 29.573.700 cổ phần.
- **Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá:** 295.737.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai trăm chín mươi lăm tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu đồng*).
- **Tỷ lệ phân phối cổ phiếu trả cổ tức:** 9%, tương ứng mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 9 cổ phiếu phát hành thêm.
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết HĐQT được Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận.
- **Nguồn thực hiện:** Lấy từ khoản mục lợi nhuận chưa phân phối tích lũy trong Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán sau khi trích lập các quỹ đảm bảo tuân thủ với quy định pháp luật.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh:** Số lượng cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 615 cổ phần. Khi đó, số cổ phần cổ đông A được nhận là 55,35 cổ phần (= 615 x 9%). Sau khi làm tròn

xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần cổ đông A thực tế nhận được là 55 cổ phần. Phần lẻ 0,35 cổ phần sẽ bị hủy bỏ.

- **Thời gian dự kiến phát hành:** trong năm 2023, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát hành thêm:** Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định.

3.2. Phương án phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ.

- **Số lượng cổ phần dự kiến chào bán:** 230.017.668 cổ phần.
- **Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá:** 2.300.176.680.000 đồng *(Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng.)*
- **Mục đích chào bán:** Nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh, qua đó tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.
- **Hình thức chào bán:** Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- **Đối tượng phát hành:**
 - + Tiêu chí nhà đầu tư: Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan;
 - + Số lượng nhà đầu tư: Tối đa 10 (mười) nhà đầu tư;
 - + Danh sách nhà đầu tư: ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT lựa chọn, quyết định danh sách các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đảm bảo phù hợp các tiêu chí nhà đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.
- **Chào mua công khai:** Trong trường hợp có tỷ lệ của nhà đầu tư được HĐQT lựa chọn tham gia mua cổ phần trong quá trình chào bán đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** Giá chào bán được xác định bằng giá tham chiếu bình quân của 20 phiên liền trước ngày HĐQT ra Nghị quyết về việc phê duyệt giá chào bán.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- **Thời gian dự kiến phát hành:** dự kiến năm 2023, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm cụ thể chào bán phù hợp với tình hình thực tế của thị trường chứng khoán.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:** Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho các mục đích:
 - + Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - + Đầu tư tài sản, máy móc thiết bị, công cụ xây dựng và nghiên cứu sử dụng các loại vật liệu mới trong đầu tư xây dựng công trình nhằm nâng cao năng lực và chất lượng xây lắp, đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm chi phí giá thành; và
 - + Nâng cao khả năng mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
 ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết. Đồng thời, ĐHĐCĐ cho phép HĐQT có thể linh hoạt phân bổ số tiền thu được cho các mục đích nêu trên và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty và bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty và các cổ đông.
- **Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát hành thêm:** Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định.

II. Giao và ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng và thông qua các nội dung chi tiết của Phương án phát hành tăng vốn, Hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Thời điểm thích hợp để triển khai các phương án tăng vốn, Danh sách Nhà đầu tư tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Giá chào bán cho đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với các Phương án được nêu tại Mục II, bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty và các cổ đông.
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của phương án tăng vốn điều lệ theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết) để đợt chào bán cổ phần của Công ty được thực hiện thành công.
- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm: (i) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (ii) đăng ký, lưu ký bổ

sung cổ phiếu phát hành thêm của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iii) đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết/giao dịch; (iv) thay đổi Vốn điều lệ của Công ty, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành.

- Quyết định tất cả các nội dung khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu phát sinh) để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12: Thông qua chủ trương bán cổ phiếu quỹ theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 12/5/2023.

I. Phương án bán cổ phiếu như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 337.800 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ đăng ký bán: 337.800 cổ phiếu
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời gian dự kiến giao dịch: Trong năm 2023, sau khi được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký bán cổ phiếu quỹ và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định. Thời gian giao dịch không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch.
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận thông qua công ty chứng khoán, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Nguyên tắc xác định giá: Giá bán không thấp hơn 14.200 đồng/cổ phiếu, đồng thời tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Số lượng đặt bán hàng ngày: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Tên công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ: Công ty Cổ phần Chứng Khoán KB Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh).
- II.** Giao và ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện tất cả các vấn đề theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:
 - Quyết định thời điểm bán, chỉnh sửa phương án bán (nếu cần) và thực hiện các công việc theo đúng quy định pháp luật để hoàn tất đợt bán cổ phiếu quỹ;
 - Quyết định phương án chi tiết sử dụng tiền thu được từ đợt bán cổ phiếu quỹ;
 - Quyết định các công việc khác liên quan đến các đợt bán cổ phiếu quỹ.

Điều 13: Thông qua Phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP trên sàn Upcom thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 12/5/2023 như sau:

1. Phương án:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.
- Mã chứng khoán: CC1
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Vốn điều lệ hiện tại: 3.289.344.690.000 đồng.
- Số cổ phiếu quỹ: 337.800 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 11/04/2023: 328.596.669 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Hủy giao dịch cổ phiếu của CC1 trên sàn UpCom và đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HOSE;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy giao dịch: Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch trên sàn UpCom thuộc HNX;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết tại HOSE: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành của CC1 tại thời điểm đăng ký niêm yết.
- Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu: trong năm 2023.

2. Giao và ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện tất cả các vấn đề theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

- Lựa chọn tổ chức tư vấn phù hợp theo quy định pháp luật để tư vấn niêm yết cổ phiếu (bao gồm việc tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết);
- Quyết định ký kết các văn bản liên quan để thực hiện niêm yết cổ phiếu;

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, giải trình toàn bộ các nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc niêm yết (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong tờ trình này, nếu có);
- Quyết định giá niêm yết dự kiến (giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên) và thời điểm niêm yết cổ phiếu;
- Quyết định thời điểm và thủ tục hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu CC1 trên hệ thống giao dịch UpCom sau khi có quyết định chấp thuận niêm yết tại HOSE;
- Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện niêm yết cổ phiếu CC1 theo quy định pháp luật.

Điều 14: Thông qua việc thay đổi chi tiết và đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của CC1 theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 12/5/2023

Điều 15: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 12/5/2023

Điều 16: Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 12/5/2023.

Điều 17: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026:

17.1. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị đối với các ông có tên dưới đây theo nguyện vọng cá nhân theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 12/5/2023:

1. Ông Lê Hữu Việt Đức - Phó Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Hữu Nam – Phó Chủ tịch HĐQT

17.2. Thông qua danh sách ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho các Thành viên Hội đồng quản trị được miễn nhiệm trong nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các ứng cử viên dưới đây theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 12/5/2023:

1. Ông Lê Bảo Anh
2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

17.3. Kết quả trúng cử

1. - Tỷ lệ trúng cử đạt: %
2. - Tỷ lệ trúng cử đạt: %

Điều 18: Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP giao cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP tổ chức

triển khai, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết này trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP, cho các cổ đông và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa

Nơi nhận:

- *Cổ đông CC1;*
- *Website CC1;*
- *UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;*
- *HĐQT, Ban TGD CC1;*
- *Lưu TK HĐQT, PC-CC1.*

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Văn Huân